

TRİ TÀN

TÒA BÀO: 95-97 CHANCEAULME-HANOI

Mục lục

- | | |
|--|----------------------|
| * Văn nôm đời Cảnh thịnh (1793-1800) | Hoa-Bằng |
| * Đại nam dật sự (XXXIX) | Nguyễn-văn-Tô |
| * Tùy hứng | Khoát-Vân — Mộng-Sơn |
| * Một quyền trung dung mới dịch ra quốc-ngữ | Ứng-học |
| * Một cách giải-quyết vấn-đề danh-từ hóa-học | Trần-cảnh-Hào |
| * Bốn năm trên đảo Các-Ba (II) | Vân-Đài |
| * Ba người thợ càn mẫn (IV) | Lê-Thanh |
| * Những ông nghề triều Lê (XCI) | Nguyễn-văn-Tô |
| * Bản sách dẫn về « Đại nam liệt truyện » (XX) | Lê-văn-Phúc |
| * Ba đạo sắc đời Minh mạng (1820-1840)... | Song-Cối |
| * Tài liệu đề đình chỉnh những bài văn cổ (LXII) | Ứng-học |
| * An-Tư, tiểu thuyết (VII) | Nguyễn-huy-Tướng |

0 \$ 50



VĂN NÔM ĐỜI CẢNH THỊNH

(1793-1800)

HOA-DANG

Xưa kia, ta đối với văn nôm, thường chỉ chuyên-chú vào văn xuôi, mà ít luyện tập đến văn xuôi. Cho nên trong khi ta đã có những câu lục bát hoặc bài hàn-luật rất điêu-luyện, rất bóng-bẩy, rất nhẹ-nhàng, thế mà, về văn xuôi, ta hãy còn chập-chững trong bước đầu-trí! Đó vì trước triều Tây-sơn, phần những văn-thể như *hiệu văn*, *dự văn*, *chiếu văn* này khác, ta thường viết bằng chữ nho, chữ ít khi dùng đến tiếng mẹ đẻ.

Không « nang học » thì không bao giờ « hay » được: Đó là cái lẽ tất-nhiên.

Nhân khảo về đoạn sử Tây-sơn, tôi có tìm được ít nhiều văn nôm — cả văn xuôi lẫn văn vần — ở đời ấy. Từ trung tôi thấy văn xuôi ở đương thời vẫn tiến hơn văn xuôi, đó càng tỏ rằng vì xưa ta ít chịu rèn luyện văn xuôi, nên bấy giờ đầu đã là cuối thế kỷ XVIII, vậy mà văn xuôi bấy còn tuổ xơ và lủng-củng đến thế!

Vậy xin cử một bài chiếu văn từ năm giáp dần (1794) đời Cảnh-thịnh làm lệ, để các bạn thấy cái trình-độ văn xuôi của ta cách đây 150 năm nó ra thế nào: nó đúng-cũng những chữ Hán! nó không được trải-chuốt, sáng-sủa, rõ-ràng, khúc-triết và đã hẳn như văn xuôi bây giờ.

Dự nhĩ Sứ (1) quốc âm chiếu văn

(Phiên âm theo bản chữ nôm trong *Ghi am văn tập*, sách viết trường Bạc-cô, số A 604, quyển thứ nam, ở 5 b-7 b).

Lời dẫn

Từ năm giáp-dần 1794, các tướng nhà Tây-sơn, nhân dịp *lự-quân* thứ-ấu, quốc-gia lần việc, chen bày lẫn nhau, tàn hại lẫn nhau để tranh chiếm lấy quyền-bính. Trần Quang Diệu, đảng vậy Diên-khánh; huy-tin Vũ Văn Dũng làm mưa làm gió ở Triều-dinh, giết chết cha con Bùi Đắc Tuyên, bắt giam Nguyễn Văn Sở, bên lật đặt rút quân kéo về, đóng ở phía nam sông Hương để uy hiếp Văn-Dũng.

Vua Cảnh-Thịnh phải sai người đi lại, ủy-lạo, phủ-dụ, hòa giải cả đôi.

Dưới đây là bài chiếu do nhà vua bảo Phan Huy Ích làm đề dụ hai tướng Diệu, Dũng.

Nguyên văn bằng chữ nôm, nay tôi phiên ra quốc-ngữ và giải nghĩa những chỗ khó-hiểu.

Chiếu thiếu-phó Diệu quận-công Trần Quang-Diệu, tư-dõ. Dũng quận-công Vũ Văn-Dũng khâm tri:

Nhĩ khanh (1) là huân-cựu đại thần (2), Quốc-gia trụ thạch (3), người thì phụng tuấn cổ mệnh (4),

bảo dực trăm cung (5), người thì chuyên chế Bắc-thảo, bình hàn vương thất (6). Trẫm vốn lấy làm cớ quảng tâm lữ, dài dĩ chí thành (7).

Khoảnh nhân biên sự không cực (8), trung lao khanh đẳng đồng bình vu ngoại (9). Như nay thổ-trí đồn ngữ đã rồi, mà hồi triều nghị sự, cũng lo tính thủy bộ cơ nghi dĩ đồ hậu cử (10), để cho thượng hạ chí tình tương đạt (11) thì cũng là phải. Dẫu là chưa có triệu mệnh, mà đã thiện hồi (12), cũng chẳng qua cấp ư quốc-kế, lược ư lễ văn (13), trẫm cũng chẳng hà trách những điều lẽ quá (14).

Bỗng nay nhĩ khanh tự hoài nghị cụ, cách hạ ứng binh, bắt lại triều yết (15). Tăng dĩ lữ ban dụ chi, bấy còn suy thác tri lồi (16). Trong quân thảo phạt nghĩa, mà tự xử đường ấy, khanh đẳng nghĩ đã yên lòng hay chưa?

Trẫm thanh niên lâm chính (17), đường thành tín ngữ hạ có điều chưa được tổ phụ (18), khiến tôi nổi những kẻ huân-cựu đường ấy còn phải quải ngại vu tâm (19), ấy cũng là trẫm chi quá thất (20).

Tướng nay đương buổi tông-thành thất thủ, kinh dịch tại tiền, dẫu quân thần đồng tâm mưu lược còn ở phát cập (21), bỗng lại gây nên nội hoạn (22), thì nữa quốc sự làm sao!

Vì như trăm chẳng suy lượng bao hàm (23), lại cõ lòng tưởng bại tướng nhân (24), ấy là tự tiện kỷ vũ dục, thế ấy nguy vong lập kiến (25). Mà Khanh chẳng dĩ binh hễ chỗ khiến cho chĩa binh hạ đi, đại cương vẫn xuyên (26) thì cũng chung quy loạn vong. Thử nghĩ hai nhẽ ấy, trăm an nhiên vì chi hễ? Khanh chẳng an nhiên vì chi hễ (27)?

Dầu như Khanh chẳng còn ngại tiếng « phạm thượng » mà lại bất năng thích nghi (28), thiên lương nội đạo viên quân lâm lộ thua (29), đề đến nỗi nhân tình hung động (30), địch quốc ngoại thừa (31) thì tận khi tiền công, thủy nhậm kỳ cứu (32)?

Trăm thừa công mĩu xã tắc chi rọng (33), nhĩ Khanh vi Triều đình, đồng cán chi thần (34), nhẽ dầu lưỡng tương nghi trở (35), sự biến hoại sinh (36), chẳng là dĩ tiểu thiên thu (37) vậy dụ!

Sởn lại phần phú tước (38), tậm thiên can giám (39), tương chung Quốc gia đại kế hệ tại tu (40). Vậy đã khai thành trí dụ (41), mà Khanh chẳng còn chưa khai thị b, trăm vưu bất an vu tâm (42)!

Vả, kinh lâm Khanh chẳng hiểu nội (43): sở chư thổ-trí các diều cũng là đợng hành sự nghi (44), song Khanh chẳng còn đối khuyết liệt binh, vi lại triều yết (45), thì quân thần chi nghĩa chưa được minh chính (46). Như trong nước mà chưa thuận đạo, quân thần hãu dễ lo đường chính sự làm sao!

(Xem tiếp trang 19)

(1) Hai người.

(2) Bậc đại thần cổ-cựu và có công lao.

(3) Vị đại thần gánh trọng nhậm nhà nước, như cái cửa co cột trụ, cột trụ dễ đổ đổ.

(4) Chỉ về Trần Quang-Diện vì vua Quang-Tung khi sắp băng, có trời trăng dẫn Quang-Diện phải cùng các tướng-tà, họp sức lại mà giúp Thái-tử. « Phụng lữn cổ mệnh » nghĩa là vâng giữ lời nói của nhà vua khi sắp chết còn ngoài lại mà đưa bảo.

(5) Giữ gìn vũng-giữ cho bản thân của « ta ».

(6) Cầm quyền coi giữ thành Thăng-long, làm phết-rợu che-chắn và cột gốc vũng chắc cho nhà vua.

(7) Ta coi hai người như chân, tay, trái tim và xương bả vai, lấy linh rất thực mà đối đãi.

(8) Gần đây, vì việc biến thủy rất gấp-ráp.

(9) Làm lẽ người lại phải khó, nhọc cầm quân ở ngoài.

(10) Mau lình công việc xếp đặt, phòng thủ một thủy một bộ ra sao để liệu làm ở sau này.

(11) Cái linh trên dưới được thông đạt với nhau.

(12) Chưa có mệnh vua đến rồi, đã tự tiện kéo quân về.

(13) Kịp vì mưu kế lo việc nước, nên mới rút bỏ hình thức lễ nghi.

(14) « Tể quá » nghĩa là lỗi nhỏ.

(15) Hai người tự mình mang lòng ngờ sợ, cách sống đờng quắt, không đến ra mắt nhà vua.

(16) Kiểm có thoát-lĩnh mà chậm đến.

(17) Ta lại trở cầm quyền-chính.

(18) Đối với việc giá-ngự kẻ dưới, lòng tin thực của ta có chỗ chưa được phù phỉ một cách một-mặt.

(19) Thắc mắc lo ngại ở trong lòng.

(20) Điều lỗi của ta.

(21) Vua tôi đồng lòng mưu-loan lo-nghĩ còn sợ không kịp...

(22) Quốc biến loạn ở trong.

(23) Vả ta không đoan độ lượng rộng rãi mà bao dong..

(24) Gợi lại lòng làm tướng.

(25) Tự mình cõ lòng cánh của mình, lập-lễ lễ phải nguy khốn và lữn vong lập-lức.

(26) Quyền của ông vua đời sống kẻ dưới, đại cương phải rồi-ren, lữn-xộn.

(27) Ta há yên tâm, mà làm thế ư? các người há yên tâm mà làm thế ư?

(28) Không thể trảm bỏ đối nghị-ngờ.

(29) Riêng đem quan quân thuộc đạo binh của mình tìm đường đi nơi khác.

(30) Lòng người sợ nỗi nháo động.

(31) Nước bên địch nháo dậy, mà dõm giỗ.

(32) Bỏ hết công lao từ trước, ai chịu cái lỗi ấy cho?

(33) Ta gánh cái trách-nhiệm nặng nề đối với lòng miếu, xã tắc.

(34) Hai người là hạng bầy tôi trọng-yếu như cái gỗ nóc, cái thân cây của Triều đình.

(35) Hai bên cùng ngờ-ngợ và làm quân trở lẫn nhau.

(36) Biến-cố nguy-ngiễn xảy ra.

(37) Đề tiếng cười lại nhảm nhảm.

(38) Vả ngày nay, giằng-giữ sự-nghi.

(39) Ấy, nghĩ đến kém.

(40) Vả mệnh Quốc-gia quốc hệ ở trong chốc-lát này.

(41) Sự sợ rồi ngựa đến dự-bảo một cách thành thực.

(42) Lũ người còn chưa cõ lòng, trút bỏ dõn ngỗ thì ta lại càng không yên tâm.

(43) Đã xen trong biển của lũ người.

(44) Mọi điều xếp-đặt cũng là những việc nên làm.

(45) Lũ người còn dõn quân lính ở đối cửa cung-khuyết chưa vào chầu-hầu.

(46) Tình nghĩa vua tôi chưa được rõ ràng, chính-đáng.

ĐẠI-NAM DẬT-SỬ

Số 33

Ứng-hồ NGUYỄN-VĂN-TỔ

XXIX. — Mười hai sứ-quân (bái nối)

Sau khi Nam-Tấn-Vương là Ngô-xương-Văn mất (năm 965), anh hùng trong nước nổi lên, mỗi người chiếm-cứ một chỗ, tức là mười hai sứ-quân. Trong mười hai sứ-quân có người là cháu đích-tôn vua Tiền Ngô, có người là con cháu họ hàng, có người là nha-tướng, có người là tham-mưu, nay kể tiểu-sử như sau này :

Ngô-xương-Xí là con Thiên-sách vương Ngô-xương-Ngập. Khi Xương-Ngập tránh nạn, chôn ở nhà Phạm Lệnh-công, lấy người con gái ở Nam-sách-giang sinh ra Xương-Xí. Xương-Xí gọi Ngô-xương-Văn bằng chú ruột, là cháu đích-tôn của vua Tiền Ngô, vì phông họ Ngô còn được làm vua, tức là Ngô-xương-Xí nối ngôi, cho nên *Đại-Việt sử-ký toàn-thư* (q. 5, tờ 25 a) chép riêng « Ngô sứ-quân, phạm nhĩ niên; phụ các sứ-quân... », nghĩa là « Ngô sứ-quân, được hai năm; chép phụ các sứ-quân khác... ». Đây là theo nghĩa; chính-thống. Các sử-thần sau ông Ngô-sĩ-Liên và bộ *Khâm định Việt-sử*, đều cho là khi Ngô Xương-Xí ra ở Bình-kiều thì thế-lực đã kém lắm, cho nên cũng chép ngang với các sứ-quân kia, chứ không phân-biệt.

Ngô Nhật-Khánh, *Khâm định Việt-sử*, tiền-biên (q. 5, tờ 30 a) chép là người trong họ Ngô-Quyền (Ngô-Quyền chi tộc); đến *Khâm định Việt-sử*, chính-biên (q. 1,

tờ 11 a) và *Đại Việt sử-ký, toàn-thư*, bản kỷ (q. 1, tờ 8 b) thì chép : « Ngô-Nhật-Khánh là dòng-dõi Ngô Tiên-chúa (Nhật-Khánh, Ngô Tiên-chúa chi hậu), lúc đầu xưng là An-vương, cùng mười hai sứ-quân, chiếm cứ cõi đất (chỗ này *Sử* chép mười hai thì nhầm, vì tính cả Nhật-Khánh mới gọi là mười hai) ; đến sau Đinh Tiên-hoàng dẹp yên cả sứ-quân, lấy mẹ Nhật-Khánh lập làm Hậu, lấy em gái Nhật-Khánh làm phu-nhân cho Nam Việt-vương Đinh-Liên.

Sợ Nhật-Khánh sinh biến, nên lại gả công-chúa cho (như thế thì Nhật-Khánh là pò-mã của vua Đinh) định lấp cái lòng oán giận; nhưng Nhật-Khánh ngoài mặt thì nói cười như thường, mà trong lòng vẫn chứa nỗi bất bình, đem vợ chạy vào Chiêm-thành, đi đến cửa bể Nam-giới (tức chỗ giáp giới chia hai huyện Thiên-lộc và Thạc-hà), cầm con dao vẫn đeo ở mình đâm vào má công-chúa, má kêu rằng « Chua lắm lửa hiếp mẹ con ta, ta há vì cơ may mà quên cái ác của cha mày được đâu ? Mày về nhà mày, một mình ta đi chỗ khác đề tìm người có thể cứu ta ». Nói rồi, đi vào Chiêm-thành. Đến cuối năm kỷ-mão (979) nghe Đinh Tiên-hoàng đã mất, dẫn hơn một nghìn thuyền quân Chiêm-thành vào cướp, định đánh thành Hoà-lự, đi qua hai cửa bể Đại-nha (nay là cửa Liêu ở xã Quấn-liêu, huyện Đại-an) và cửa

bể Tiêu-khang (nay là cửa Công-giáp giới huyện Yên-mô, tỉnh Ninh bình). Có một đêm, gặp gió lớn, thuyền quân đều bị úp, Nhật-Khánh và người Chiêm chết đuối, duy chúa Chiêm được thoát chết, bèn nhặt những quân sống sót đem về.

Đây là theo sử, chép hai sứ-quân họ Ngô, còn các sứ-quân khác, sử không chép rõ, nay đem thần-tích của các làng thờ, trích dịch như sau, này :

Kiều công Hãn và Kiêu-Thuận, người châu Phong (tức huyện Bạch-hạc, phủ Vĩnh-tường, trấn Sơn tây). Ông nội là Kiêu-công-Tiến xưng tiết-độ sứ châu Giao, cha là Kiêu-công-Chuân (có chỗ chép là Công-Nghĩa) sinh ba trai : con trưởng là Kiêu-công-Hãn, con thứ hai là Kiêu-công-Đĩnh, tên húy là Bằng, thứ ba là Kiêu-Thuận tức Kiêu Lệnh-công. Trước kia Ngô-vương cho Kiêu-công-Hãn làm Đề-sát coi việc nước, đến khi Ngô-vương mất, thái-tử là Ngô-xương-Ngập bấy còn nhỏ, gia-thần là Dương - Tam - Kha cướp ngôi, Xương-Ngập chạy đến Nam-sách-giang (nay phủ Nam-sách thuộc tỉnh Hải-dương), Tam Kha sai các tướng đem binh đi bắt, Kiêu-công-Hãn cùng bọn Đỗ-cảnh-Thạc, Ngô-nhật-Khánh, Phạm-bạch-Hồ, mưu dẫu Xương-Ngập ở trong sơn-động. Việc ấy về năm ất-tý (945). Đến năm canh-tuất (950) con thứ vua Tiền-Ngô là Xương-Văn cùng các tướng hợp mưu truất ngôi Tam-Kha, tự xưng Nam-Tấn vương, sang năm sau (951) sai người đón anh là Xương-Ngập về Loa-thành, cùng coi việc nước. Đến năm ất-sử 965 Nam-Tấn vương nhân đi đánh bọn Chu-Thái ở quận Thao-giang, dẹp được; nhân đánh được giặc, quên thói

sinh kiêu, lại thân hành
đi đánh hai thôn Thái-
biển Đường-nguyên bị
tên có thuốc độc trúng
phải, Nam - Tấn vương
mãi bấy giờ trong nước
nổi lên mười hai sứ-
quân Trong mười hai
sứ-quân, chỉ họ Kiều
nay có hai người: anh
là Kiều - công - Hân giữ
châu Thái, châu Hào, châu
Phong, xưng là Kiều Tam-
chế. Năm đinh - mão
(967) Đinh Bộ-Lĩnh khởi
bình đánh các sứ-quân.
Ngày 6 tháng 12 quân
Bộ-Lĩnh đi đến châu
Phong, công - Hân chống
cự không nổi, bèn đem
vài trăm quân huy-hạ đi
về phía nam, muốn tới
châu giao (tức huyện
giao - thủy) cùng Ngô-
nhật-Khánh làm kế tri-
thủ; đi đến châu Nguyên
(tức châu Thượngnguyên)
nghe tin Nhật-Khánh đã
đầu hàng, Công-Hân biết
thời-cực không làm gì nổi,
bèn đem quân đến xã An-
lũng (nay hiệp-luật) thuộc
châu Trường (đời Trần là
phủ Thiên-trường hiện nay
huyện Mỹ-lộc, Thượng-
nguyên, Nam - châu và
Giao-thủy), thì trời đã trưa.
Phía tây có một cái quán,
quán-chủ người họ Phạm
đón đường mời vào nghỉ.
Công-Hân bèn vào quán
ngồi chân, người đàn bà
họ Phạm đem rượu hồng-
hoa và gỏi cá xanh để mời,
Công-Hân nói rằng: « Ta
xa xôi đến đây, bà già sao

Tây-hưng.

Chiều

(Tặng em Văn-Nga)

Chuong réo ngày làn, gió réo thông,
Đường chia đôi ngã, ánh sương rung.
Mây bay về lối dầu non bae,
Buồm chạy theo chân lớp sóng hồng.
Chiều rữ sâu đi hòa khệp cảnh,
Đêm mang tình lại khơi tràn sông.
Giấc mơ năm trước còn trong mộng,
Thuyền đã theo ai chầy lạc giòng....
MỘNG-SƠN

Đi thi

(Tặng em Văn-Nga)

Mây sớm mới lơ hồng,
Vàng đông chưa thấy tỏ;
Trên đường lữ-lược đi,
Như kéo quân rầm-rộ.
Thi ra tại tỉnh Thanh.
Sáng nay đưa sĩ-tử.
Bằng Sơ-Học giá cao:
Thi sinh như nước lũ.
Lăn đăm trở tuổi non,
Lom - khom một ông cụ:
Đầu khăn-chít còn thơm,
Chân giầy - lã đã cũ.
Cháu mười bốn theo sau,
Mặt - máy xem đỉnh-ngộ;
Đầu mũ trắng nghênh-ngang,
Chân - giầy tày ra - bộ.
Ông có vẻ dăm - dăm;
Cháu ra chiều bỡ - ngỡ:
Ông tiếc thi - phú xưa,
Cháu lo ám - tả khó.
Ông chân lết - tả đi;
Tới trường vừa sáng rõ.
Trẻ ranh trông thấy cười,
Thì-thăm: « kia búi tóc l!»

KHOÁT-VÂN

đãi ta bên thế? » người
đàn bà thưa rằng: « Đêm
đi nằm mộng thấy cô
người bảo rằng: Sáng
ngày có vị đại-nhân đến,
nền khoản đãi tử-tử, vị
đại-nhân ấy có lẽ là
tướng-quân chăng? »
Công Hân bèn nhận rượu
và gỏi. Rồi cởi một cái áo
gấm và những vàng bạc
ở trên ngựa, sai người
đem cho hết người đàn
bà họ Phạm. xong rồi,
tự đi đến cầu phía nam
quan thi mãi, tục gọi là
Lũng - Kiệp. Hôm ấy là
mùng 10 tháng chạp
năm đinh-mão (967) quân
sĩ chôn cất, nhân dân bên
xã ở Bái-dương, Tang-
chữ, Hiệp-luật và ô-lũng
hợp nhau lập đền thờ,
Trái qua Lô, Lý, Trần, Lê
sang bản-triều, đều có
cờng âm-phổ, nên nhà
vua phong sắc (Luộc theo
thần-tích xã Bái-dương,
tổng Bái-dương, huyện
Nam-châu (tức Nam-
trực), tỉnh Nam-dịnh —
thần-ti h này do Ngô-thế-
Vinh người làng Bái-
dương, đỗ tam-grap (cử
sĩ khoa kỹ-sử 1889).

Còn em là Kiều-Thuận,
giữ Hồi-hồ (tức huyện
Cầm-khê, tỉnh Sơn-tây)
xưng là Lê Lệnh công.
Hiện nay ở xã Trường-
xá, huyện Cẩm-khê,
tỉnh Sơn-tây, là một
thành sĩ-quốc từ là
thành của Kiều-Thuận.

(Còn tiếp)

Tặng em Văn-Nga

MỘT QUYỀN TRUNG DUNG

mới dịch ra quốc ngữ

Ứng-hoà NGUYỄN-VĂN-TỐ

Ông Phan-Khoang mới ra một quyền *Trung-Dung chú giải*, in trong « Triết-học tùng-thư » của nhà Mai-Linh, dày 124 trang, khổ giấy 12 × 19. Mỗi bài, trên in chữ nhỏ, dưới « dịch âm », « dịch nghĩa », và « chú-thích ».

Về từ chữ nhỏ, quyền *Trung-dung* là một quyền dạy từ trung-học trở lên. Ai đã đi thi cũng phải tinh nghĩa *Tứ thư* (Đại-học, *Trung dung*, *Luận-ngữ*, *Mạnh-tử*) và *Ngũ kinh* (Thi, Thư, Lễ, Dịch, Xuân-thu). Cho nên có nhiều người làm sách diễn nghĩa, như sách « *Trung-dung Đại-trần* », « *Thề-chú* », « *Dẫn giải* », « *Huấn nghĩa* », v. v., lại đặt một từ gọi là « *Hoặc văn* » để cho rõ nghĩa thêm. Chữ nôm thì có quyền *Trung-dung diễn nghĩa*, *Trung dung diễn ca*, v. v.

Từ ngày có phong-trào tân-học dịch ra quốc-ngữ cũng nhiều, mà dịch ra chữ tây cũng lắm. Giá ông Phan-Khoang dịch được tựa nghĩa hơn những quyền đã xuất bản, thì quyền của ông sẽ giúp ích cho những người muốn hiểu « triết-lý của Khổng giáo » nhiều lắm. Nhưng có lẽ ông không xem những bản đã dịch từ trước đến giờ, như bản dịch chữ Pháp của ông Couvreur (*Les Quatre Livres*). Tôi thiết tưởng dịch này, thô kệch hơn dịch ở chữ nhỏ ra quốc-ngữ, vì người Nam ta đối với chữ nhỏ, gần thành ra chữ của mình, mà lại

dịch ra quốc ngữ là tống của mình, thì dễ hơn chữ Pháp.

Tôi lấy mấy câu đầu của ông Phan-Khoang, so với bản chữ Pháp của ông Couvreur, để độc-giả xem rõ hơn được bản chữ Pháp không. Tôi lại so với bản chữ nhỏ, xem dịch có đúng không.

Ngay bài đầu, đoạn thứ nhất, nguyên văn chữ nhỏ là: « Thiên mệnh chi vị đạo. Suất tính chi vị đạo. Tu đạo chi vị giáo ». Tôi dịch chữ tây của ông Couvreur ra quốc ngữ để độc-giả dễ so-sánh: « Cái mệnh-lệnh của Trời đã phó cho trong lòng người, gọi là tính (tức là công-lệ tự-nhiên). Nội theo cái tính ấy gọi là đạo (tức là qui-tắc của sự hành-vi). Sửa đạo (hoặc làm rang tỏ lòng người, vì phép-tắc bị nhân-dục làm mờ đi) gọi là giáo ». Đoạn ấy ông Khoang dịch là: « Cái trời phó cho gọi là tính, nội theo tính gọi là đạo, sửa cho hợp đạo, gọi là giáo ». Thế thì không rõ nghĩa chữ mệnh.

Đoạn thứ hai, chữ nhỏ là « Đạo giả giả, bất khả tu du lý giả. Khả li, phi đạo giả. Thị cố quân tử giới thân bồ kỳ sở bất đồ. Khung cụ hồ kỳ sở bất văn ». Chữ tây dịch là: « Đã gọi là đạo, thì không bao giờ được xa, dù có chốc lát cũng không được; nếu xa được, thì không gọi là đạo nữa. Bởi vậy, người quân tử cẩn-thận và cố ý, dù rằng không trông thấy việc gì hẳn phải cẩn-thận giữ gìn; giữ mình và sợ-

bãi, dù rằng không nghề thấy điều gì cần phải run-sợ ». Ông Khoang dịch: « Đạo là cái chẳng nên rời ra giây phút nào, lẽ rời ra được, thì chẳng phải là đạo nữa rồi. Vậy nên người quân-tử rần-rờ và cẩn-thận về những điều mình chưa thấy rõ e sợ trong những điều mình chưa nghe chắc ». Ông dịch như thế, sai mất nghĩa chữ « bất khả » là « không thể được » chứ không phải là « chẳng nên » vì « không thể được » thì mới không xa cách được giây phút nào; nếu « chẳng nên » thì còn có lúc, nên không đúng nghĩa sách. Chữ « bất đồ », « bất văn » mà ông dịch là « chưa thấy rõ », « chưa nghe chắc » cũng sai.

Đoạn thứ ba, chữ nhỏ: « Mạc hiện hồ ân, mạc hiện hồ vi. Cố quân tử thận kỳ độc-giã. Chữ tây dịch là: « Đối với người quân tử, không có gì rõ-rệt bằng nơi uẩn-áo trong lòng, và không có gì rõ-ràng bằng những hành-tích nhỏ mọn; thế cho nên người quân-tử trông-nom cẩn-thận đến những điều chỉ người quân-tử biết mà thôi (như tư-tưởng và tình-tính rất kín-đáo). Ông Khoang dịch là « Chẳng có gì tỏ hơn những chỗ mờ tối, chẳng có gì rõ hơn những điều mờ naen, vì vậy người quân-tử giữ-gìn cẩn-thận trông-khỏi chỉ có một mình ». Câu « chẳng có gì tỏ hơn những chỗ mờ tối, . . . rõ hơn những điều mờ naen » không

ai hiểu là gì, mà cũng không đúng nghĩa, không rõ được cái ý phải cần thận thêm lên. Đến câu "người quân-tử giữ gìn cần-thận trong khi chỉ có một mình" lại càng sai nữa, chính nghĩa là phải cẩn-thận, những việc tế-vi, chấp ai biết, cả, chỉ có một mình mình biết thì càng phải cần thận, chứ có phải cần thận khi vắng người đâu. Nay theo sách cũ, nên dịch, như sau đây:

"Cần-thận-lệnh của giới phụ cho người, gọi là tính (tính vốn lành), học theo tính ấy, gọi là đạo (tức là lễ giới), sửa cho hợp đạo gọi là giáo. Đã gọi là đạo, thì không thể xê xích được giây phút nào; nếu xa cách được, thì không phải là đạo nữa. Thế cho nên người quân-tử giữ-gìn cần-thận, dù chưa thấy (những việc đáng cần-thận), phải kính sợ hãi, dù chưa nghe thấy (những việc đáng sợ hãi). Đối với người quân-tử không có gì rõ rệt bằng những chỗ uẩn, không có gì rõ rệt bằng những việc tế-vi, bởi nên đã là người quân-tử càng phải cẩn-thận về những chỗ chỉ mình mình biết" (nghĩa là trong khi ẩn-vi người ta không thấy, chỉ một mình biết, mà việc làm cũng phải cẩn-thận hơn là người ta đã biết.)

Đây là mới so sánh mấy câu đầu ở quyển sách ông Khoang, là những câu các ông đồ nho vẫn thuộc lòng, còn ở dưới là đại-loại như thế cả. Lại có một điều trong những bài chú-giải phần nhiều ông Khoang dịch ở chữ nho, nhưng ông làm ra lời không phải dịch, như trang 17, câu cả: "Người đã răn, ở ước, thức để cái tính trời phú cho không hề thiên lệch, để cùng cực là Trung thì Trời đất cũng được an-vi, người đã cần-thận giữ gìn để trong khi ứng đối với vạn vật

không chút sai lầm, không chút không xứng đáng, cho cùng cực cái Hòa tai vạn-vật đều được thỏa-thuê mà sinh sống". Chính đoạn ấy những quyển dẫn giải chữ nho đều có cả. Có chỗ ông Khoang dịch vào chỗ ông là bớt đi, thành ra sai nghĩa. Nay theo bản chữ nho dịch lại như sau đây: Từ chỗ giữ-gìn sợ hãi mà ước-thức lại ("ước là càng phải nghiêm trang kính-cẩn) cho đến chỗ chỉ-tính (tức là không ai biết) mà ông lễ thiên-thần một chút nào, mà giữ gìn thường không lỗi, trời sự ra cùng cực đều Trung mà trời đất được yên chỗ (ước là cảm hóa). Từ chỗ thận-độc (tức là cẩn-thận khi chỉ có một mình) mà tinh-mật lại (tức là càng tinh-vi kỹ lưỡng) cho đến khi ứng-đối với vạn-vật, không hề sai lầm chút nào, mà thi-hành ra thường không trái thời suy ra cùng cực đều Hòa mà vạn-vật được thỏa-thuê sinh sống". Chữ nho ước, đối với tính đây ông Khoang có dịch là ước-thức, mà bỏ mất chữ định; Lữ như chữ

"vô thức bất nhiên" nghĩa là không thì hành động gì không phải, tức là việc làm thường không trái đạo, ông dịch là "không chút không xử gì đáng" đã là sai, mà ông lại bỏ bốn chữ: nguyên chữ nho nói "vô" làm không trái" đối với "giữ-gìn không lỗi". Có một đoạn con con như thế, mà nhầm nhầm lắm, ngay như câu "người đã cần-thận giữ-gìn để trong khi ứng-đối..." không phải nghĩa thế, chỉ là "từ chỗ cần-thận một mình mà càng kỹ dham cho đến khi ứng-đối với vạn vật". Thế là nhầm chữ "từ chỗ" làm chữ "đã", rồi chữ "cho đến" làm chữ "thế", mất nghĩa chữ "tính" là càng kỹ.

Những sách triết lý về Kinh-giáo ngời Tây đã dịch ra như vậy, thì bặt quyền nào, nên so sánh các sách hời xưa đã chép với những sách của người Tây mới dịch xem có ý nghĩa gì khác, rồi lấy làm, thế thì mới giúp ích cho đồng bang.

Ứng-hoà NGUYỄN VĂN TỬ

DÃ CỐ BẢN

Khảo cứu về tiếng Việt-nam	của Lê Văn Ngân	Giá: 2\$50
BƯỚC ĐƯỜNG MỚI	Truyện dài lý-tưởng của Dương Ngà	3, 00
KIM - TỰ - THÁP	của Phan Quang Định	2 00
NỬA-ĐÊM	Truyện thần-tiêng của Nam Cao	2 00
MỘT MỐI TÌNH	của Phạm Huy-Toại	3, 00
GIẤC MƠ PHỒ MÃ	Sách Hoa Mai của Vi Hồ	0 20
PHÁCH BƯỚM HỒN HOA	Sách hoa Mai của Thế-hưng	0, 30
BẦY BÔNG LỬA LÉP	Sách Hoa Mai của Nam-Cao	0, 50
HƯNG-ĐẠO-VƯƠNG	Sách Hoa Mai của Thái-La-g	0, 50

NHÀ XUẤT-BAN CỘNG-LỰC

N-9 Rue Takou, Hanoi

Một cách giải quyết vấn đề danh từ hóa học

TRẦN VĂN HẠO

Vấn đề danh từ hóa học thật là một nạn đề văn sách mà đề mục có thể thuyết minh như thế này :

Đời này gọi là đời khoa học. Nước nọ nhờ sinh khoa học mà đã vũng-vầy khắp Thái-bình-dương, nước kia nhờ giỏi khoa học mà bị rớt tung-hoành trên Địa-trung-hải. Người có khoa học mới là người có chút trí-thức; nước không khoa học, tất là nước không thể sinh-tồn.

Nay nước Nam nhà cần dùng 89 chữ mới để đặt tên cho 89 đơn chất hóa học. Giả sử mỗi một đơn chất hóa thành 20 hợp chất, thì lại cần dùng thêm 1780 chữ nữa để đặt tên cho các hợp chất.

Như vậy thì :

1) Làm thế nào cho quốc-văn ta có thêm 1869 chữ mới, rất ít nét mà khác hẳn nhau, để dùng làm danh từ hóa học?

2) Làm thế nào cho mỗi chữ mới chỉ gồm có một xi-láp hai xi-láp hoặc — bất đắc dĩ —

ba xi-láp cho nó thích hợp với cái tình-thần gọn-gọn của tiếng ta?

3) Làm thế nào cho từ-căn của chữ chỉ một đơn chất xuất-hiện — một cách hợp-tiên trên mặt đất cả các chữ chỉ các hợp chất số đơn chất ấy, đã hóa-thành?

4) Làm thế nào cho tất cả danh từ hóa học của ta có một cái hệ-thống nhất-tri, minh-bạch, để tiện sự nhớ, tiện sự nói, tiện sự viết, tiện sự dạy, tiện sự học, tiện... sự đặt thêm chữ về sau?

Nước mình, vẫn nước văn-hiến; người mình, lắm người anh-tài. Theo cựu học, nhiều ngài đỗ đến Bảng-nhơn, Thám-hoa; theo tân học, lắm ông đậu đến Thạc-sĩ, Bác-sĩ.

Nghe nhiều biết rộng, nghĩ kỹ suy xa;

Gắng lòng bốn câu hỏi ấy, mong dự nước Nam nhà ban-chức.

« Khoa học Trạng-nguyên. »

I. — Về danh từ các đơn chất

Xét ra, Văn-hóa của nước mình

mình vốn là con đẻ của Văn-hóa Tàu, chỉ là con nuôi của Văn-hóa Pháp. Về văn học, triết học, thì dân tộc mình chịu ảnh-hưởng của Tàu nhiều. Về Khoa học thì ảnh-hưởng của Pháp chiếm phần trội hơn. Nhưng văn-minh Pháp mà văn-minh La-mã. Riêng về vị trong-điện khoa học thì chữ La-mã là thứ chữ độc-lôn: cả công-thức hóa học đã đặt theo thứ chữ ấy. Thứ chữ hóa học mà người Tàu mới biết, ta cũng phỏng theo phiên-hiệu La-pháp. Vả lại, tất cả chữ Tàu cũng là chữ của nước mình: chữ tay Tàu mà tiếng thì ta. Chữ Tàu đối với chữ ta có nhiều mặt-thiết hơn chữ ta đối với chữ Pháp.

Vì vậy, trong sự đặt danh từ cho các đơn chất hóa học, tôi định tạo ba nguyên-tắc này:

1) Lấy chữ La mà đọc theo xi-láp Nam.

2) Lấy chữ Tàu mà đọc theo tiếng Nam.

3) Tung lẫn, dùng cách nói lái lập thành chữ Nam.

Hãy xem cái biểu-dây thì sẽ

A. — Biểu đơn-chất hóa học

Thứ	Chữ La	Phù-hiệu	Chữ Tàu	Chữ Nam	Bi-chú
1	Hydrogèneum	H	氢	Hin	Lái: hơi khing
2	Hélium	He	氦	Hè	Theo chữ La
3	Lithium	Li	鋰	Li	id
4	Beryllium	Be	鈹	Be	id
5	Borium	B	鋇	Băn	Theo chữ Tàu
6	Carbonium	C	碳	Cê	Th. ch. La
7	Nitrogénium	N	氮	Nam	L. nơ đam
8	Oxygénium	O	氧	O	Th. ch. La

Thứ	Chữ . La	Pha hiệu	Chữ Tàu	Chữ . Nam	Bí - chú
9	Fluorim	F	氟	Fat	Theo chữ Tàu
10	Néonum	Ne	氖	Ne	Th. ch. La ?
11	Natrium	Na	鈉	Na	id
12	Magnésium	Mg	鎂	Me	Th. ch. Tàu
13	Aluminium	Al	鋁	An	Th. ch. La
14	Silicium	Si	矽	Si	id
15	Phosphorum	P	磷	Pát	L: pơ lẩn
16	Sulfur	S	硫	Su	Th. ch. La
17	Clorim	Cl	氯	Cư	L: cơ lư
18	Argonim	A	氬	A -	Th. ch. La
19	Kalium	K	鉀	Káp	L: ka giáp
20	Calcium	Ca	鈣	Ca	Th. ch. La
21	Scandium	Sc	釷	Săn	L: sơ cẩu
22	Titanium	Ti	鈦	Ti	Th. ch. La
23	Vanadium	V	鈦	Va	id
24	Chromium	Cr	鉻	Các	Th. ch. Tàu
25	Manganum	Mn	錳	Măn	id
26	Ferrum	Fe	鐵	Fe	Th. ch. La
27	Cobaltum	Co	鈷	Co	id
28	Nickolum	Ni	鎳	Ni	id
29	Cuprum	Co	銅	Cu	id
30	Zincum	Zn	鋅	Đen	L: đơ ten
31	Gallium	Ga	銻	Ga	Th. ch. La
32	Germanium	Ge	鍮	Ge	id
33	Arsenium	As	銻	At	id
34	Selenium	Se	硒	Se	id
35	Bromium	Br	溴	Bu	L: bơ xu
36	Kryptonum	Kr	氪	Kác	L: ka kắc
37	Rubidium	Rb	銣	Rư	L: rơ như
38	Strontium	Sr	銣	Sư	L: sơ tư
39	Yttrium	Yt	釷	Yt	Th. ch. La
40	Zirconium	Zr	鈮	Di	id
41	Columbium	Cb	鈮	Có	id
42	Molibonium	Mo	鉬	Mo	id
43	Masurium	Ma	錳	Ma	id
44	Ruthenium	Ru	銠	Ru	id
45	Rhodium	Rh	銠	Ró	id
46	Palladium	Pd	鈳	Pa	Th. ch. Tàu
47	Argentum	Ag	銀	Ăng	L: a ngăng
48	Cadmium	Cd	鎘	Cơc	Th. ch. Tàu
49	Indium	In	銲	In	Th. ch. La
50	Scannum	Sn	錫	Sin	L: sơ tín
51	Stibium	Sb	銻	Sê	L: sơ đề
52	Tellurium	Te	碲	Te	Th. ch. La
53	Iodium	I	碘	I	id
54	Xenonum	Xe	氙	Xe	id
55	Cæsium	Cs	銫	Các	L: cơ sác
56	Borium	Ba	銻	Ba	Th. ch. La
57	Lanthanum	La	釷	La	id
58	Cerium	Ce	鈰	Ce	Th. ch. La
59	Prosesdymium	Pr	鐳	Pô	L: pơ phô
60	Neodymium	Nd	釷	Nư	Th. ch. Tàu
61	Europium	Eu	鈰	Lự	Th. ch. La
62	Samarium	Sm	釷	Sam	Th. ch. Tàu

Xem tiếp trang 12)

BỐN NĂM TRÊN-ĐẢO CAC-BA

Số 2

của VÂN-ĐÀI

Nhà Doan và nghề chài lưới

Tất cả quyền hành chính và quyền thương chính đều do một viên-chức nhà Doan, người Pháp, kiêm quyền Đại-lý, trong tay. Về bên pháp-chính không có gì quan hệ Dân cù lao là một dân biết phục tùng và theo kỷ luật hơn tất cả các nơi, dù ở đâu cũng vậy. Những hạng người ở gần Tạo-vật, xa nhân gian, lòng chán-thật đã có sẵn, lại không còn trông mong ở đâu hơn nữa, nên họ rất sợ những kẻ cầm quyền.

Cơ quan khần yếu nơi đây là nhà thương chính, một nhà Doan phóng phú nhất xứ Bắc-ly (nếu nói cả Đông Dương thì Cac-ba chỉ thua Biền-hồ (Tonléap), một đôi chút.)

Tất cả các thứ tiền thuế đều lấy, cái của bề con-con này mỗi năm đã cung cho ngân quỹ Nhà-nước có đến hàng triệu.

Hàng triệu bạc ấy chỉ trông về nghề chài lưới ở nơi đây.

Người ta không thể vì nghề làm cá ở Cac-ba với Cát-bái được. Cát-bái thì là khu chài lưới rất nhỏ do một số người Nam làm với những chiếc lưới mong manh những con thuyền bé nhỏ, không bao giờ dám mạo hiểm ra đến bờ khơi hay xông pha nơi muôn trùng sóng bạc.

Các ba mỗi năm có một mùa đánh cá, bắt đầu từ tháng tám đến tháng tư ta. Mùa đánh cá chỉ có sáu tháng, những tháng đã bắt đầu mất mỡ và bề mặt sông lặng.

Các thuyền to, trọng tải từ ba mươi đến bốn mươi tấn, đã lục tục bắt đầu sang từ Bắc-hải, Long-châu.

Mỗi năm sang có từ năm đến bảy trăm chiếc. Những chiếc thuyền không lỗ mà người ta gọi là tàu ô, ở trong ấy, có đủ cả nơi ăn, chốn ngủ, có bếp nước có ô nuôi cá sống và muối cá chết. Các ô ở dưới thuyền rất ngắn nắp và rất kín đáo. Người ta có thể khu biệt nhiều ô riêng để nuôi cá, nuôi lợn, cũng có khi nuôi người, nếu là một thuyền mua người do mẹ mình đỡ trẻ con đem bán.

Một điều cho ta đề ý, là mỗi năm các tàu ô sang đây, đều sang thuyền không với những chiếc lưới to những tay chân sao lục lợng. Rồi họ dùng sức khỏe của họ, làm một cách sung sướng trong sáu tháng trời, cho đến khi họ về với những thuyền đầy cá, những túi nặng tiền và nghĩ ngơi ăn chơi trong sáu tháng kia để chờ sang mùa khác.

Những hải vị mà người Nam ta vẫn ước ao, quý hóa như mực, hải-sâm, hải-sâm, vẩy cá, bào ngư, long-lục, v.v., các hạng đấng tuồng, người Khách đã đem ở bên Tàu sang bán cho ta đây. Không, đây chính là hải-sân ở Cac-ba, ở Coto (Gotow) ở Bạch-long-vỹ, các cửa lao chung quanh miền duyên-hải xứ Bắc-ly, đã đem lấy khách trả đem đến cung phụng miệng lưỡi các hạng đó.

Mỗi loại thứ nhất của họ đây có thêm thứ cá muối mặn và cá phơi

khô. Hai thứ này đã làm giàu cho họ một cách không ngờ.

Mặc dầu những cá ấy, người Nam ta không ăn mấy, song họ đã có cách tiêu thụ riêng, do những con đường ta không biết đây là đâu cả.

Trước tôi đã nói, người thuyền chài khách chỉ sang đây với chiếc lầu ở và những cánh tay khỏe mạnh.

Đây phố lợp rợp ở Cac-ba là những kho của-cải và một nguồn sống độ nhất của bọn kia. Công việc thứ nhất của họ, khi thuyền ghé bến, là phải lên phố, ở đây họ được tiếp đãi niềm nở do những tay chèo vạy lái hàng năm. Người « tàu cá » (tiếng thuật-ngữ gọi bọn chài lưới tàu ô) ở đây có thể vay tiền, mua hàng (tất cả các thực phẩm) một cách dễ dàng, về sau trừ vào tiền cá khi họ ra về. Xong các việc tiền nong họ còn phải ra sở Thương-chính xin một cuốn sổ thuyền, do thuyền, đánh số thuyền mua muối và một mảnh giấy thuế thân, mới có đủ điều kiện ra khơi được.

Tất cả sự vận phí ở đây, người « tàu cá » trên thuyền không bao giờ biết đến việc gì của họ cũng là tiền. Nhưng họ không lo vì chỉ một mẻ cá là đủ.

Họ lại là những con nợ trắng thành không so-kẻ số lãi nặng nhẹ và cũng không cần xem lại khi họ về ta dò số tiền nợ có đúng với số nợ hay không?

Những buổi chiều vắng, mặt trời mùa thu đỏ rực đã lặn của vịnh sáu mặt góc phố, còn lóa cả bề rất nhiều ánh-sáng chói lọi Cửa Cac-ba và phố quàng bởi tầng tầng hàng « tàu cá » tuần tự lên - ào -

Thuyền nào cũng đầy cá tươi, trên mình óng ánh muôn ngàn ngôi sao bạc.

Cho cả lớp toàn thuyền con, nững chiếc « siêng », nhỏ bé như chiếc xe kéo di trên bộ, thoăn thoắt lướt trên mặt sóng, với những tiếng ồn ào của các cô gái khách chở thuyền.

* A phở lộc thêng

Có là phùng thoong . »

Những thuyền buôn lậu

Mặc dầu sự canh phòng rất nghiêm ngặt của nhà Đoàn, họ cũng không sợ cả những chiếc tàu Đoàn tuần canh lúc nào cũng sẵn sàng và nhẹ như chiếc thoi trên mặt bể.

Họ vẫn luôn luôn « đi ngang về tãi... » Một chiếc thuyền cỡ hạng di, họ đã dự bị sẵn-sàng mua các vật liệu, họ chở những đêm tối tăm, chỉ vài chiếc « siêng » con chuyên-chở hàng hóa ra tàu lớn. Rồi họ chỉ chở một con giò. Cảnh buôn của họ, một khi đã nộ cao lên với một chiều gió xuôi thì không còn tàu nào đuổi kịp. Chú là một người đã quen đi buôn lậu, vẫn thường tự cao khoe với mọi người : « Hi Hùng Bạc-lông-bộ. Ngộ mặt pha lờ... (1) »

« Có lẽ đến đây hẳn ta đã hiện nguyên hình ra một tên giặc tàu ở thuở trước... »

Các hạng bậc kỳ quan của tạo hóa ở nơi đây, không chỉ riêng vào điểm một phong cảnh tuyệt trần ở Vịnh Hạ-long mà thôi đâu !

Cảnh đẹp kia không gây cho bọn buôn lậu một cảm giác mỹ quan nào hơn là giúp cho họ, xỏ những sào-huyệt tốt, Chử P. có mười tạ mực khô, vài chục tạ cá muốn trốn thuế, chủ sắp sửa cho

một thuyền về Bắc-hải, nhất chủ phải có một nơi để trữ sản hàng-hóa chờ ngày đi... Cứ g như hú J. bên kia, chủ cũng tìm được một sào-huyệt rộng tích trữ gạo là một hàng đầu nhất của chủ.

Về nghề buôn bán trên biển này, rõ ràng người khác đối với nhau một cách rất kín đáo. Họ hieu như có một cảm ứng chung, mỗi khi họ đã đến nhau đi xa tổ quốc của họ, mục đích họ là làm để sống, nên không thọc-mách và khinh-bí nhau, hai ứ một nghề gì, miễn là họ không làm mất tin nhiệm với nhau, thế là đủ...

Người Nam ở Cáo-bà

Không kể hai làng Tân-châu và Xuân-dám, một số ít người Nam ở Cáo-bà, phần đông là người nghèo khổ. Nghề nghiệp của họ không có gì khác hơn là nghề lấy củi, lấy cỏ vác muối thuê chèo khách trả. Giữa nơi tiền rừng bạc bể, thế mà một số người ở chính đất nước này, vẫn cam tâm đứng bên cạnh sự sung sướng của kẻ khác, nhìn họ kiếm tiền một cách dễ dàng.

Có người hỏi rằng : « Hay là tại họ lười biếng ? Họ không muốn đi đánh cá ? Có sao ở trong đất liền họ ham sống tranh-cạnh mà ra đây họ phải bỏ tay »

Tôi xin trả lời chung cho họ : Vì rằng họ không có vốn. Liều cảnh bề trời thênh thang cao rộng, nghề chài lưới có cấm ai đâu. Nhưng khối nổi bọn thuyền chài ta nghèo quá Đứng trước những chiếc « tàu cá » đồ sộ như những gian nhà trên cạn, chiếc thuyền cá của người Nam bé nhỏ như chiếc lá. Làm sao vợ lại những mối lợi

to tát kia Thành thử người Nam vẫn sống nghèo khổ, lữ lữ thỉ thỉ. Nhiều buổi chiều đông êm lộng, mặt nước phẳng như tấm lụa. Canh góc núi vắng người, một chiếc thuyền câu, tỏa ra một làn khói trắng phơ phất theo chiều gió. Đây là một gia-dình con con của một nhà thuyền chài, quanh năm sống trên mặt bể, nhưng sống rất đơn sơ thanh đạm. Ngọn gió lạnh-lùng phất qua, bảo cho ta biết sự rớt muối, thì ở đây, đông cũng như hè, họ không có gì hơn là những manh áo vải thô xấu. Những đứa trẻ con, con cháu họ, chùng sông đã quen với gió sương. Chúng chỉ trần truồng khi mùa hè và khoác chiếc áo mỏng-mảnh lúc gió đông, thế là đủ...

Rồi ngày qua ngày, họ đánh những con cá bở, cáu những con tôm to, (nhất là nghề câu tôm), bán lại cho thuyền khách. Người khách lại dùng tôm cá cá giống để lấy vảy.

Nhiều ngày sống gần họ trên thuyền chài, tôi nhận thấy đời họ, có một đời sống đầy khi trời, đầy trong-sạch và tâm hồn họ rất chất phác. Riêng với họ, họ vẫn ước ao chiếc thuyền to, chèo lưới chắc cho họ có thể vùng vẫy hơn nữa...

Gần đây nhà nước đã mở nhiều cuộc đấu-trà về nghề đánh cá Nhà nước đã đóng thuyền bỏ vốn, giúp một số đồng thuyền chài người Nam.

Tuột là một đứ đừ đáng mừng.

(Còn nữa)

VĂN ĐÀI

1) Bến Bạch long-bộ tôi không sợ gì nữa.

(Tiếp theo trang 9)

Thứ	Chữ La	Phù-hiệu	Chữ Tàu	Chữ Nam	Bỉ-chu
63	Europium	Eu	銷	Eu	Th. ch. La
64	Gadolinium	Gd	鐳	Got	L: goi lot
65	Terbium	Tb	鐳	Tuc	L: tơ đưc
66	Dysprosium	Dy	鐳	Đy	Th. ch. La
67	Helmium	Ho	鐳	Ha	id
68	Erbium	Er	鐳	Ee	id
69	Thulium	Tu	鐳	Tu	id
70	Ytterbium	Yb	鐳	Yp	Tn. ch. La
71	Lutecium	Lu	鐳	Lu	id
72	Hofnium	Hf	鐳	Hop	Th. ch. Tàu
73	Tantalum	Ta	鐳	Ta	Th. ch. La
74	Wolfram	W	鐳	Vo	id
75	Rhenium	Re	鐳	Re	id
76	Osmium	Os	鐳	Ô	id
77	Iridium	Ir	鐳	Ia	id
78	Platinum	Pt	鐳	Pát	Th. ch. Tàu
79	Aurum	Au	鐳	Au	Th. ch. La
80	Hydrargyrum	Hg	鐳	Hô	Th. ch. Tàu
81	Thallium	Tl	鐳	Tha	id
82	Plumbum	Pb	鐳	Pun	L: pơ đun
83	Bismuthum	Bi	鐳	Bí	Tn. ch. La
84	Polonium	Po	鐳	Po	id
85	Radon	Rn	鐳	Rôn	L: rơ đôn
86	Radium	Ra	鐳	Ra	Th. ch. La
87	Actinium	Ac	鐳	Ac	id
88	Thorium	Th	鐳	Tho	id
89	Uranium	U	鐳	U	id

Vì chữ Tàu đã phỏng theo chữ La, nên theo chữ Tàu cũng nhiều khi na-ná như theo chữ La vậy. Theo La hay theo Tàu, ta không nên theo một cách nào quá. Ta phải xử trí thế nào cho phần lợi về ta. Trước hết, nên biết rằng trong một tiếng nói (ưu son vocal), bất hạn của dân-tộc nào, có ba nguyên-tố: *âm, khuôn và thanh*.

a) Âm của tiếng La, thế nào cũng phải dùng để chữ ta hợp với phù-hiệu. Phải dùng thêm mấy âm: f, k, p. Âm d của mình thế âm z của La cũng được. Âm v của mình thay âm w của họ cũng không hại gì. Chữ « cê » cũ đọc là « xê », Chữ « go » cũ đọc

là « ghe ». Thu-xếp như vậy để cho tự-căn các chữ được biệt-biệt với nhau. (« a » là tự-căn của chữ « á »; « tha » là tự-căn của chữ « thá ». Nhưng, trong những chữ « hin, bản, nam... », thì « hi, bá, na... » là những tự-căn. Điều này, cần phải chú ý.)

Đối với các khoa-học khác, sự thay-dổi tự-căn không khắt-thiết, ta không nên lạm-dụng những âm kể trên: chúng nó hơi khó nghe mà cũng khó đọc. Riêng, âm p thì từ ết-dụng lắm: ta nên cho nó « nhập-ịch » mà bỏ bớt âm q đi. (Điều này tôi sẽ bàn sau.)

b) Lắm khi phải đọc trại khuôn của chữ Tàu đi một chút hoặc để

cho các tự-căn được phân-biệt (Bản, pát...), hoặc để cho chữ Nam thâu gọn lại bằng vài ba « lét » mà thôi (hồ, xôm...) hoặc để cho chữ Nam gồm cả « lét » thứ hai của phù-hiệu (ăng). Vì những lẽ ấy, các dấu « lét » (dấu mũi, dấu ngang, dấu râu) bất đắc dĩ phải dùng.

c) Các dấu tiếng: huyền, ngã, hỏi, sắc, nặng, thì bỏ hẳn để cho chữ Nam khỏi rườm rà, dễ « ho » tiện sự viết.

d) Các chữ thay của La thì do phù-hiệu mà biến-quá, hoặc lấy xi-láp (dấu-tiền) của chữ nguyên (đi, Vo.đ), hoặc lấy « lét » của phù-hiệu (cê). *đi, Vo.đ, cê*

e) Dùng cách nói lại thì Tây

đầu-tiền của phủ-biểu lại với chữ Tàu đọc theo thói quen hoặc trại khuôn đi một chút.

Các phủ-Tàu trong biên đó, phần nhiều, đều đặt ra như cách đặt chữ nôm của tiên-nhân ta. Ta có thể đọc 89 chữ của họ như 89 chữ mới của ta: Đọc như vậy chỉ thấy lợi, chứ không có hại, vì ta sẽ có thể dùng một cách giả-tả bằng chữ Hán để viết quốc âm ta. (Đều này cũng sẽ bàn sau.)

g) Ta phải dùng mấy chữ: au, ông, cê, tỳ, fe, hô, hun, sin... làm chữ khoa-học; còn mấy chữ: vàng, bạc, than, đồng, sắt, thủy ngân, chì, thối... đều lại ra làm chữ thông-thường.

Nếu các nhà khoa-học trong nước thừa-nhận sáu thể-lệ mới kể trên thì quốc-văn ta sẽ thêm được 89 chữ mới, có uyên-nguyên, rất rõ-ràng, thật đơn giản và hết sức gọn.

II. — Về danh từ các hợp chất

Đến bây giờ, hóa họ đã khám-phá ra rằng một đơn-chất có thể hóa-thành 4 loại hợp-chất, là:

- 1) Toan (酸)
- 2) Can (碱)
- 3) Giam (鹽)
- 4) Dêm (鹽)

Trong mỗi một loại, các thứ hợp chất khác nhau về lượng. Như đơn-chất « sulfur » đã rất nhiều thứ toan: hyposulfurique, sulfureux, sulfurique, hyp sulfureux, hydrosulfurique, pyrosulfurique, persulfurique, trithionique... S, O, H là 3 nguyên tố của bất-hạn toan nào. Duy, các thành-phần thì có khi nhiều có khi ít: $S^2, S^3, S^4, S^5, S^6, S^7, S^8, \dots$; $H, H_2, \dots$

Vậy ta hãy chiếu-tùý thành phần của các nguyên-tố mà liệt các thứ hợp-chất thuộc về mỗi loại ra,

hãy liệt theo thuận-tự, từ ít đến nhiều. Như đối với các thứ toan của đơn-chất « sulfur », ta phải xử-trí như thế này: $SO^2H^2, SO^3H^2, SO^4H^2, SO^5H^2, SO^6H^2, SO^7H^2, SO^8H^2, SO^9H^2, SO^{10}H^2, SO^{11}H^2, SO^{12}H^2, SO^{13}H^2, SO^{14}H^2, SO^{15}H^2, SO^{16}H^2, SO^{17}H^2, SO^{18}H^2, SO^{19}H^2, SO^{20}H^2, SO^{21}H^2, SO^{22}H^2, SO^{23}H^2, SO^{24}H^2, SO^{25}H^2, SO^{26}H^2, SO^{27}H^2, SO^{28}H^2, SO^{29}H^2, SO^{30}H^2, SO^{31}H^2, SO^{32}H^2, SO^{33}H^2, SO^{34}H^2, SO^{35}H^2, SO^{36}H^2, SO^{37}H^2, SO^{38}H^2, SO^{39}H^2, SO^{40}H^2, SO^{41}H^2, SO^{42}H^2, SO^{43}H^2, SO^{44}H^2, SO^{45}H^2, SO^{46}H^2, SO^{47}H^2, SO^{48}H^2, SO^{49}H^2, SO^{50}H^2, SO^{51}H^2, SO^{52}H^2, SO^{53}H^2, SO^{54}H^2, SO^{55}H^2, SO^{56}H^2, SO^{57}H^2, SO^{58}H^2, SO^{59}H^2, SO^{60}H^2, SO^{61}H^2, SO^{62}H^2, SO^{63}H^2, SO^{64}H^2, SO^{65}H^2, SO^{66}H^2, SO^{67}H^2, SO^{68}H^2, SO^{69}H^2, SO^{70}H^2, SO^{71}H^2, SO^{72}H^2, SO^{73}H^2, SO^{74}H^2, SO^{75}H^2, SO^{76}H^2, SO^{77}H^2, SO^{78}H^2, SO^{79}H^2, SO^{80}H^2, SO^{81}H^2, SO^{82}H^2, SO^{83}H^2, SO^{84}H^2, SO^{85}H^2, SO^{86}H^2, SO^{87}H^2, SO^{88}H^2, SO^{89}H^2, SO^{90}H^2, SO^{91}H^2, SO^{92}H^2, SO^{93}H^2, SO^{94}H^2, SO^{95}H^2, SO^{96}H^2, SO^{97}H^2, SO^{98}H^2, SO^{99}H^2, SO^{100}H^2, SO^{101}H^2, SO^{102}H^2, SO^{103}H^2, SO^{104}H^2, SO^{105}H^2, SO^{106}H^2, SO^{107}H^2, SO^{108}H^2, SO^{109}H^2, SO^{110}H^2, SO^{111}H^2, SO^{112}H^2, SO^{113}H^2, SO^{114}H^2, SO^{115}H^2, SO^{116}H^2, SO^{117}H^2, SO^{118}H^2, SO^{119}H^2, SO^{120}H^2, SO^{121}H^2, SO^{122}H^2, SO^{123}H^2, SO^{124}H^2, SO^{125}H^2, SO^{126}H^2, SO^{127}H^2, SO^{128}H^2, SO^{129}H^2, SO^{130}H^2, SO^{131}H^2, SO^{132}H^2, SO^{133}H^2, SO^{134}H^2, SO^{135}H^2, SO^{136}H^2, SO^{137}H^2, SO^{138}H^2, SO^{139}H^2, SO^{140}H^2, SO^{141}H^2, SO^{142}H^2, SO^{143}H^2, SO^{144}H^2, SO^{145}H^2, SO^{146}H^2, SO^{147}H^2, SO^{148}H^2, SO^{149}H^2, SO^{150}H^2, SO^{151}H^2, SO^{152}H^2, SO^{153}H^2, SO^{154}H^2, SO^{155}H^2, SO^{156}H^2, SO^{157}H^2, SO^{158}H^2, SO^{159}H^2, SO^{160}H^2, SO^{161}H^2, SO^{162}H^2, SO^{163}H^2, SO^{164}H^2, SO^{165}H^2, SO^{166}H^2, SO^{167}H^2, SO^{168}H^2, SO^{169}H^2, SO^{170}H^2, SO^{171}H^2, SO^{172}H^2, SO^{173}H^2, SO^{174}H^2, SO^{175}H^2, SO^{176}H^2, SO^{177}H^2, SO^{178}H^2, SO^{179}H^2, SO^{180}H^2, SO^{181}H^2, SO^{182}H^2, SO^{183}H^2, SO^{184}H^2, SO^{185}H^2, SO^{186}H^2, SO^{187}H^2, SO^{188}H^2, SO^{189}H^2, SO^{190}H^2, SO^{191}H^2, SO^{192}H^2, SO^{193}H^2, SO^{194}H^2, SO^{195}H^2, SO^{196}H^2, SO^{197}H^2, SO^{198}H^2, SO^{199}H^2, SO^{200}H^2, SO^{201}H^2, SO^{202}H^2, SO^{203}H^2, SO^{204}H^2, SO^{205}H^2, SO^{206}H^2, SO^{207}H^2, SO^{208}H^2, SO^{209}H^2, SO^{210}H^2, SO^{211}H^2, SO^{212}H^2, SO^{213}H^2, SO^{214}H^2, SO^{215}H^2, SO^{216}H^2, SO^{217}H^2, SO^{218}H^2, SO^{219}H^2, SO^{220}H^2, SO^{221}H^2, SO^{222}H^2, SO^{223}H^2, SO^{224}H^2, SO^{225}H^2, SO^{226}H^2, SO^{227}H^2, SO^{228}H^2, SO^{229}H^2, SO^{230}H^2, SO^{231}H^2, SO^{232}H^2, SO^{233}H^2, SO^{234}H^2, SO^{235}H^2, SO^{236}H^2, SO^{237}H^2, SO^{238}H^2, SO^{239}H^2, SO^{240}H^2, SO^{241}H^2, SO^{242}H^2, SO^{243}H^2, SO^{244}H^2, SO^{245}H^2, SO^{246}H^2, SO^{247}H^2, SO^{248}H^2, SO^{249}H^2, SO^{250}H^2, SO^{251}H^2, SO^{252}H^2, SO^{253}H^2, SO^{254}H^2, SO^{255}H^2, SO^{256}H^2, SO^{257}H^2, SO^{258}H^2, SO^{259}H^2, SO^{260}H^2, SO^{261}H^2, SO^{262}H^2, SO^{263}H^2, SO^{264}H^2, SO^{265}H^2, SO^{266}H^2, SO^{267}H^2, SO^{268}H^2, SO^{269}H^2, SO^{270}H^2, SO^{271}H^2, SO^{272}H^2, SO^{273}H^2, SO^{274}H^2, SO^{275}H^2, SO^{276}H^2, SO^{277}H^2, SO^{278}H^2, SO^{279}H^2, SO^{280}H^2, SO^{281}H^2, SO^{282}H^2, SO^{283}H^2, SO^{284}H^2, SO^{285}H^2, SO^{286}H^2, SO^{287}H^2, SO^{288}H^2, SO^{289}H^2, SO^{290}H^2, SO^{291}H^2, SO^{292}H^2, SO^{293}H^2, SO^{294}H^2, SO^{295}H^2, SO^{296}H^2, SO^{297}H^2, SO^{298}H^2, SO^{299}H^2, SO^{300}H^2, SO^{301}H^2, SO^{302}H^2, SO^{303}H^2, SO^{304}H^2, SO^{305}H^2, SO^{306}H^2, SO^{307}H^2, SO^{308}H^2, SO^{309}H^2, SO^{310}H^2, SO^{311}H^2, SO^{312}H^2, SO^{313}H^2, SO^{314}H^2, SO^{315}H^2, SO^{316}H^2, SO^{317}H^2, SO^{318}H^2, SO^{319}H^2, SO^{320}H^2, SO^{321}H^2, SO^{322}H^2, SO^{323}H^2, SO^{324}H^2, SO^{325}H^2, SO^{326}H^2, SO^{327}H^2, SO^{328}H^2, SO^{329}H^2, SO^{330}H^2, SO^{331}H^2, SO^{332}H^2, SO^{333}H^2, SO^{334}H^2, SO^{335}H^2, SO^{336}H^2, SO^{337}H^2, SO^{338}H^2, SO^{339}H^2, SO^{340}H^2, SO^{341}H^2, SO^{342}H^2, SO^{343}H^2, SO^{344}H^2, SO^{345}H^2, SO^{346}H^2, SO^{347}H^2, SO^{348}H^2, SO^{349}H^2, SO^{350}H^2, SO^{351}H^2, SO^{352}H^2, SO^{353}H^2, SO^{354}H^2, SO^{355}H^2, SO^{356}H^2, SO^{357}H^2, SO^{358}H^2, SO^{359}H^2, SO^{360}H^2, SO^{361}H^2, SO^{362}H^2, SO^{363}H^2, SO^{364}H^2, SO^{365}H^2, SO^{366}H^2, SO^{367}H^2, SO^{368}H^2, SO^{369}H^2, SO^{370}H^2, SO^{371}H^2, SO^{372}H^2, SO^{373}H^2, SO^{374}H^2, SO^{375}H^2, SO^{376}H^2, SO^{377}H^2, SO^{378}H^2, SO^{379}H^2, SO^{380}H^2, SO^{381}H^2, SO^{382}H^2, SO^{383}H^2, SO^{384}H^2, SO^{385}H^2, SO^{386}H^2, SO^{387}H^2, SO^{388}H^2, SO^{389}H^2, SO^{390}H^2, SO^{391}H^2, SO^{392}H^2, SO^{393}H^2, SO^{394}H^2, SO^{395}H^2, SO^{396}H^2, SO^{397}H^2, SO^{398}H^2, SO^{399}H^2, SO^{400}H^2, SO^{401}H^2, SO^{402}H^2, SO^{403}H^2, SO^{404}H^2, SO^{405}H^2, SO^{406}H^2, SO^{407}H^2, SO^{408}H^2, SO^{409}H^2, SO^{410}H^2, SO^{411}H^2, SO^{412}H^2, SO^{413}H^2, SO^{414}H^2, SO^{415}H^2, SO^{416}H^2, SO^{417}H^2, SO^{418}H^2, SO^{419}H^2, SO^{420}H^2, SO^{421}H^2, SO^{422}H^2, SO^{423}H^2, SO^{424}H^2, SO^{425}H^2, SO^{426}H^2, SO^{427}H^2, SO^{428}H^2, SO^{429}H^2, SO^{430}H^2, SO^{431}H^2, SO^{432}H^2, SO^{433}H^2, SO^{434}H^2, SO^{435}H^2, SO^{436}H^2, SO^{437}H^2, SO^{438}H^2, SO^{439}H^2, SO^{440}H^2, SO^{441}H^2, SO^{442}H^2, SO^{443}H^2, SO^{444}H^2, SO^{445}H^2, SO^{446}H^2, SO^{447}H^2, SO^{448}H^2, SO^{449}H^2, SO^{450}H^2, SO^{451}H^2, SO^{452}H^2, SO^{453}H^2, SO^{454}H^2, SO^{455}H^2, SO^{456}H^2, SO^{457}H^2, SO^{458}H^2, SO^{459}H^2, SO^{460}H^2, SO^{461}H^2, SO^{462}H^2, SO^{463}H^2, SO^{464}H^2, SO^{465}H^2, SO^{466}H^2, SO^{467}H^2, SO^{468}H^2, SO^{469}H^2, SO^{470}H^2, SO^{471}H^2, SO^{472}H^2, SO^{473}H^2, SO^{474}H^2, SO^{475}H^2, SO^{476}H^2, SO^{477}H^2, SO^{478}H^2, SO^{479}H^2, SO^{480}H^2, SO^{481}H^2, SO^{482}H^2, SO^{483}H^2, SO^{484}H^2, SO^{485}H^2, SO^{486}H^2, SO^{487}H^2, SO^{488}H^2, SO^{489}H^2, SO^{490}H^2, SO^{491}H^2, SO^{492}H^2, SO^{493}H^2, SO^{494}H^2, SO^{495}H^2, SO^{496}H^2, SO^{497}H^2, SO^{498}H^2, SO^{499}H^2, SO^{500}H^2, SO^{501}H^2, SO^{502}H^2, SO^{503}H^2, SO^{504}H^2, SO^{505}H^2, SO^{506}H^2, SO^{507}H^2, SO^{508}H^2, SO^{509}H^2, SO^{510}H^2, SO^{511}H^2, SO^{512}H^2, SO^{513}H^2, SO^{514}H^2, SO^{515}H^2, SO^{516}H^2, SO^{517}H^2, SO^{518}H^2, SO^{519}H^2, SO^{520}H^2, SO^{521}H^2, SO^{522}H^2, SO^{523}H^2, SO^{524}H^2, SO^{525}H^2, SO^{526}H^2, SO^{527}H^2, SO^{528}H^2, SO^{529}H^2, SO^{530}H^2, SO^{531}H^2, SO^{532}H^2, SO^{533}H^2, SO^{534}H^2, SO^{535}H^2, SO^{536}H^2, SO^{537}H^2, SO^{538}H^2, SO^{539}H^2, SO^{540}H^2, SO^{541}H^2, SO^{542}H^2, SO^{543}H^2, SO^{544}H^2, SO^{545}H^2, SO^{546}H^2, SO^{547}H^2, SO^{548}H^2, SO^{549}H^2, SO^{550}H^2, SO^{551}H^2, SO^{552}H^2, SO^{553}H^2, SO^{554}H^2, SO^{555}H^2, SO^{556}H^2, SO^{557}H^2, SO^{558}H^2, SO^{559}H^2, SO^{560}H^2, SO^{561}H^2, SO^{562}H^2, SO^{563}H^2, SO^{564}H^2, SO^{565}H^2, SO^{566}H^2, SO^{567}H^2, SO^{568}H^2, SO^{569}H^2, SO^{570}H^2, SO^{571}H^2, SO^{572}H^2, SO^{573}H^2, SO^{574}H^2, SO^{575}H^2, SO^{576}H^2, SO^{577}H^2, SO^{578}H^2, SO^{579}H^2, SO^{580}H^2, SO^{581}H^2, SO^{582}H^2, SO^{583}H^2, SO^{584}H^2, SO^{585}H^2, SO^{586}H^2, SO^{587}H^2, SO^{588}H^2, SO^{589}H^2, SO^{590}H^2, SO^{591}H^2, SO^{592}H^2, SO^{593}H^2, SO^{594}H^2, SO^{595}H^2, SO^{596}H^2, SO^{597}H^2, SO^{598}H^2, SO^{599}H^2, SO^{600}H^2, SO^{601}H^2, SO^{602}H^2, SO^{603}H^2, SO^{604}H^2, SO^{605}H^2, SO^{606}H^2, SO^{607}H^2, SO^{608}H^2, SO^{609}H^2, SO^{610}H^2, SO^{611}H^2, SO^{612}H^2, SO^{613}H^2, SO^{614}H^2, SO^{615}H^2, SO^{616}H^2, SO^{617}H^2, SO^{618}H^2, SO^{619}H^2, SO^{620}H^2, SO^{621}H^2, SO^{622}H^2, SO^{623}H^2, SO^{624}H^2, SO^{625}H^2, SO^{626}H^2, SO^{627}H^2, SO^{628}H^2, SO^{629}H^2, SO^{630}H^2, SO^{631}H^2, SO^{632}H^2, SO^{633}H^2, SO^{634}H^2, SO^{635}H^2, SO^{636}H^2, SO^{637}H^2, SO^{638}H^2, SO^{639}H^2, SO^{640}H^2, SO^{641}H^2, SO^{642}H^2, SO^{643}H^2, SO^{644}H^2, SO^{645}H^2, SO^{646}H^2, SO^{647}H^2, SO^{648}H^2, SO^{649}H^2, SO^{650}H^2, SO^{651}H^2, SO^{652}H^2, SO^{653}H^2, SO^{654}H^2, SO^{655}H^2, SO^{656}H^2, SO^{657}H^2, SO^{658}H^2, SO^{659}H^2, SO^{660}H^2, SO^{661}H^2, SO^{662}H^2, SO^{663}H^2, SO^{664}H^2, SO^{665}H^2, SO^{666}H^2, SO^{667}H^2, SO^{668}H^2, SO^{669}H^2, SO^{670}H^2, SO^{671}H^2, SO^{672}H^2, SO^{673}H^2, SO^{674}H^2, SO^{675}H^2, SO^{676}H^2, SO^{677}H^2, SO^{678}H^2, SO^{679}H^2, SO^{680}H^2, SO^{681}H^2, SO^{682}H^2, SO^{683}H^2, SO^{684}H^2, SO^{685}H^2, SO^{686}H^2, SO^{687}H^2, SO^{688}H^2, SO^{689}H^2, SO^{690}H^2, SO^{691}H^2, SO^{692}H^2, SO^{693}H^2, SO^{694}H^2, SO^{695}H^2, SO^{696}H^2, SO^{697}H^2, SO^{698}H^2, SO^{699}H^2, SO^{700}H^2, SO^{701}H^2, SO^{702}H^2, SO^{703}H^2, SO^{704}H^2, SO^{705}H^2, SO^{706}H^2, SO^{707}H^2, SO^{708}H^2, SO^{709}H^2, SO^{710}H^2, SO^{711}H^2, SO^{712}H^2, SO^{713}H^2, SO^{714}H^2, SO^{715}H^2, SO^{716}H^2, SO^{717}H^2, SO^{718}H^2, SO^{719}H^2, SO^{720}H^2, SO^{721}H^2, SO^{722}H^2, SO^{723}H^2, SO^{724}H^2, SO^{725}H^2, SO^{726}H^2, SO^{727}H^2, SO^{728}H^2, SO^{729}H^2, SO^{730}H^2, SO^{731}H^2, SO^{732}H^2, SO^{733}H^2, SO^{734}H^2, SO^{735}H^2, SO^{736}H^2, SO^{737}H^2, SO^{738}H^2, SO^{739}H^2, SO^{740}H^2, SO^{741}H^2, SO^{742}H^2, SO^{743}H^2, SO^{744}H^2, SO^{745}H^2, SO^{746}H^2, SO^{747}H^2, SO^{748}H^2, SO^{749}H^2, SO^{750}H^2, SO^{751}H^2, SO^{752}H^2, SO^{753}H^2, SO^{754}H^2, SO^{755}H^2, SO^{756}H^2, SO^{757}H^2, SO^{758}H^2, SO^{759}H^2, SO^{760}H^2, SO^{761}H^2, SO^{762}H^2, SO^{763}H^2, SO^{764}H^2, SO^{765}H^2, SO^{766}H^2, SO^{767}H^2, SO^{768}H^2, SO^{769}H^2, SO^{770}H^2, SO^{771}H^2, SO^{772}H^2, SO^{773}H^2, SO^{774}H^2, SO^{775}H^2, SO^{776}H^2, SO^{777}H^2, SO^{778}H^2, SO^{779}H^2, SO^{780}H^2, SO^{781}H^2, SO^{782}H^2, SO^{783}H^2, SO^{784}H^2, SO^{785}H^2, SO^{786}H^2, SO^{787}H^2, SO^{788}H^2, SO^{789}H^2, SO^{790}H^2, SO^{791}H^2, SO^{792}H^2, SO^{793}H^2, SO^{794}H^2, SO^{795}H^2, SO^{796}H^2, SO^{797}H^2, SO^{798}H^2, SO^{799}H^2, SO^{800}H^2, SO^{801}H^2, SO^{802}H^2, SO^{803}H^2, SO^{804}H^2, SO^{805}H^2, SO^{806}H^2, SO^{807}H^2, SO^{808}H^2, SO^{809}H^2, SO^{810}H^2, SO^{811}H^2, SO^{812}H^2, SO^{813}H^2, SO^{814}H^2, SO^{815}H^2, SO^{816}H^2, SO^{817}H^2, SO^{818}H^2, SO^{819}H^2, SO^{820}H^2, SO^{821}H^2, SO^{822}H^2, SO^{823}H^2, SO^{824}H^2, SO^{825}H^2, SO^{826}H^2, SO^{827}H^2, SO^{828}H^2, SO^{829}H^2, SO^{830}H^2, SO^{831}H^2, SO^{832}H^2, SO^{833}H^2, SO^{834}H^2, SO^{835}H^2, SO^{836}H^2, SO^{837}H^2, SO^{838}H^2, SO^{839}H^2, SO^{840}H^2, SO^{841}H^2, SO^{842}H^2, SO^{843}H^2, SO^{844}H^2, SO^{845}H^2, SO^{846}H^2, SO^{847}H^2, SO^{848}H^2, SO^{849}H^2, SO^{850}H^2, SO^{851}H^2, SO^{852}H^2, SO^{853}H^2, SO^{854}H^2, SO^{855}H^2, SO^{856}H^2, SO^{857}H^2, SO^{858}H^2, SO^{859}H^2, SO^{860}H^2, SO^{861}H^2, SO^{862}H^2, SO^{863}H^2, SO^{864}H^2, SO^{865}H^2, SO^{866}H^2, SO^{867}H^2, SO^{868}H^2, SO^{869}H^2, SO^{870}H^2, SO^{871}H^2, SO^{872}H^2, SO^{873}H^2, SO^{874}H^2, SO^{875}H^2, SO^{876}H^2, SO^{877}H^2, SO^{878}H^2, SO^{879}H^2, SO^{880}H^2, SO^{881}H^2, SO^{882}H^2, SO^{883}H^2, SO^{884}H^2, SO^{885}H^2, SO^{886}H^2, SO^{887}H^2, SO^{888}H^2, SO^{889}H^2, SO^{890}H^2, SO^{891}H^2, SO^{892}H^2, SO^{893}H^2, SO^{894}H^2, SO^{895}H^2, SO^{896}H^2, SO^{897}H^2, SO^{898}H^2, SO^{899}H^2, SO^{900}H^2, SO^{901}H^2, SO^{902}H^2, SO^{903}H^2, SO^{904}H^2, SO^{905}H^2, SO^{906}H^2, SO^{907}H^2, SO^{908}H^2, SO^{909}H^2, SO^{910}H^2, SO^{911}H^2, SO^{912}H^2, SO^{913}H^2, SO^{914}H^2, SO^{915}H^2, SO^{916}H^2, SO^{917}H^2, SO^{918}H^2, SO^{919}H^2, SO^{920}H^2, SO^{921}H^2, SO^{922}H^2, SO^{923}H^2, SO^{924}H^2, SO^{925}H^2, SO^{926}H^2, SO^{927}H^2, SO^{928}H^2, SO^{929}H^2, SO^{930}H^2, SO^{931}H^2, SO^{932}H^2, SO^{933}H^2, SO^{934}H^2, SO^{935}H^2, SO^{936}H^2, SO^{937}H^2, SO^{938}H^2, SO^{939}H^2, SO^{940}H^2, SO^{941}H^2, SO^{942}H^2, SO^{943}H^2, SO^{944}H^2, SO^{945}H^2, SO^{946}H^2, SO^{947}H^2, SO^{948}H^2, SO^{949}H^2, SO^{950}H^2, SO^{951}H^2, SO^{952}H^2, SO^{953}H^2, SO^{954}H^2, SO^{955}H^2, SO^{956}H^2, SO^{957}H^2, SO^{958}H^2, SO^{959}H^2, SO^{960}H^2, SO^{961}H^2, SO^{962}H^2, SO^{963}H^2, SO^{964}H^2, SO^{965}H^2, SO^{966}H^2, SO^{967}H^2, SO^{968}H^2, SO^{969}H^2, SO^{970}H^2, SO^{971}H^2, SO^{972}H^2, SO^{973}H^2, SO^{974}H^2, SO^{975}H^2, SO^{976}H^2, SO^{977}H^2, SO^{978}H^2, SO^{979}H^2, SO^{980}H^2, SO^{981}H^2, SO^{982}H^2, SO^{983}H^2, SO^{984}H^2, SO^{985}H^2, SO^{986}H^2, SO^{987}H^2, SO^{988}H^2, SO^{989}H^2, SO^{990}H^2, SO^{991}H^2, SO^{992}H^2, SO^{993}H^2, SO^{994}H^2, SO^{995}H^2, SO^{996}H^2, SO^{997}H^2, SO^{998}H^2, SO^{999}H^2, SO^{1000}H^2, SO^{1001}H^2, SO^{1002}H^2, SO^{1003}H^2, SO^{1004}H^2, SO^{1005}H^2, SO^{1006}H^2, SO^{1007}H^2, SO^{1008}H^2, SO^{1009}H^2, SO^{1010}H^2, SO^{1011}H^2, SO^{1012}H^2, SO^{1013}H^2, SO^{1014}H^2, SO^{1015}H^2, SO^{1016}H^2, SO^{1017}H^2, SO^{1018}H^2, SO^{1019}H^2, SO^{1020}H^2, SO^{1021}H^2, SO^{1022}H^2, SO^{1023}H^2, SO^{1024}H^2, SO^{1025}H^2, SO^{1026}H^2, SO^{1027}H^2, SO^{1028}H^2, SO^{1029}H^2, SO^{1030}H^2, SO^{1031}H^2, SO^{1032}H^2, SO^{1033}H^2, SO^{1034}H^2, SO^{1035}H^2, SO^{1036}H^2, SO^{1037}H^2, SO^{1038}H^2, SO^{1039}H^2, SO^{1040}H^2, SO^{1041}H^2, SO^{1042}H^2, SO^{1043}H^2, SO^{1044}H^2, SO^{1045}H^2, SO^{1046}H^2, SO^{1047}H^2, SO^{1048}H^2, SO^{1049}H^2, SO^{1050}H^2, SO^{1051}H^2, SO^{1052}H^2, SO^{1053}H^2, SO^{1054}H^2, SO^{1055}H^2, SO^{1056}H^2, SO^{1057}H^2, SO^{1058}H^2, SO^{1059}H^2, SO^{1060}H^2, SO^{1061}H^2, SO^{1062}H^2, SO^{1063}H^2, SO^{1064}H^2, SO^{1065}H^2, SO^{1066}H^2, SO^{1067}H^2, SO^{1068}H^2, SO^{1069}H^2, SO^{1070}H^2, SO^{1071}H^2, SO^{1072}H^2, SO^{1073}H^2, SO^{1074}H^2, SO^{1075}H^2, SO^{1076}H^2, SO^{1077}H^2, SO^{1078}H^2, SO^{1079}H^2, SO^{1080}H^2, SO^{1081}H^2, SO^{1082}H^2, SO^{1083}H^2, SO^{1084}H^2, SO^{1085}H^2, SO^{1086}H^2, SO^{1087}H^2, SO^{1088}H^2, SO^{1089}H^2, SO^{1090}H^2, SO^{1091}H^2, SO^{1092}H^2, SO^{1093}H^2, SO^{1094}H^2, SO^{1095}H^2, SO^{1096}H^2, SO^{1097}H^2, SO^{1098}H^2, SO^{1099}H^2, SO^{1100}H^2, SO^{1101}H^2, SO^{1102}H^2, SO^{1103}H^2, SO^{1104}H^2, SO^{1105}H^2, SO^{1106}H^2, SO^{1107}H^2, SO^{1108}H^2, SO^{1109}H^2, SO^{1110}H^2, SO^{1111}H^2, SO^{1112}H^2, SO^{1113}H^2, SO^{1114}H^2, SO^{1115}H^2, SO^{1116}H^2, SO^{1117}H^2, SO^{1118}H^2, SO^{1119}H^2, SO^{1120}H^2, SO^{1121}H^2, SO^{1122}H^2, SO^{1123}H^2, SO^{1124}H^2, SO^{1125}H^2, SO^{1126}H^2, SO^{1127}H^2, SO^{1128}H^2, SO^{1129}H^2, SO^{1130}H^2, SO^{1131}H^2, SO^{1132}H^2, SO^{1133}H^2, SO^{1134}H^2, SO^{1135}H^2, SO^{1136}H^2, SO^{1137}H^2, SO^{1138}H^2, SO^{1139}H^2, SO^{1140}H^2$

BIA VĂN MIẾU

NHỮNG ÔNG NGHỀ TRIỀU LÊ

Số 91

Ứng-hòe NGUYỄN-VAN-TỔ

9. — Thiệu-quí-Linh, người làng Dã-xá, huyện Đông-sơn, phủ Thiệu-hóa, niên Thanh-hóa năm 27 tuổi đỗ nhị giáp tiến-sĩ khoa Ấ-sử 1515. Làm quan đến Lại-bộ hữu thị-láng. Phụng mệnh đi sứ hai lần, Mạc Đăng Dung đã cướp ngôi (từ năm 1527). Ông mang nỗi họ Mạc hết lời. Về đến nhà Long-nhĩ, bận đỡ tiều-phục, ngảnh về phía nam, quí râu về việc đi sứ; lâu xong ngửa mặt lên trời, khóc to, rồi nhẩy xuống sông chết. Đến đời trung hưng (1533 1544) khen là tiết-ngoã (Đăng khoa bị khảo, quyển Thanh-hóa, tờ 12 b 13 a; Đăng khoa lục, q. 2, tờ 2 a).

10. — Trần-Lỗ (Đăng khoa lục, q. 2, tờ 2 a), chép là Trần-Lỗ; Đăng khoa bị khảo, q. Sơn-nam, tờ 78 b, chép là Trần-tông-Lỗ), người làng Mỹ-dê, huyện Kim-bảng, phủ Lý-nhân, trấn Sơn-nam. Đỗ nhị giáp tiến-sĩ khoa 1505. Làm quan đến Lễ-bộ tả-thị-lang.

11. — Trần-văn-Bính, người làng Cửu-cao, huyện Gia-lâm, phủ Thuận-an, trấn Kinh-bắc (nay Bắc-ninh). Nhà ở làng Thượng-tổn. Đỗ nhị giáp tiến-sĩ khoa 1505. Làm quan đến Lại-bộ tả-thị-lang (Đăng khoa bị khảo, q. Kinh-bắc, tờ 81 a). Đăng khoa lục (q. 2, tờ 2 a) chép làm quan đến Lễ-bộ tả-thị-lang.

12. — Đỗ bá-Huân, hoặc Huyền, người xã La-xá, huyện Từ-kỳ, phủ Hạ-hồng, tỉnh Hải-dương. Đỗ nhị giáp khoa 1505. Làm quan

đến Lại-khoa đô-ấp-sự-trung (Đăng khoa lục, q. 2, tờ 2 b; Đăng khoa bị khảo, q. Hải-dương, tờ 44 b).

13. — Lưu-văn-Nguyên, người xã Nhân-mỹ, huyện Từ-liêm, phủ Quốc-oai, tỉnh Sơn-tây. Năm 33 tuổi đỗ nhị giáp khoa 1505. Sinh ra Lưu-văn-Hịch, đỗ nhị giáp khoa 1526 (Đăng khoa bị khảo, q. Sơn-tây, tờ 4 b; Đăng khoa lục, q. 2, tờ 2 b).

14. — Dương - đức - Giản (chép theo Đăng khoa lục, q. 2, tờ 2 b; còn Đăng khoa bị khảo, q. Hải-dương Thái-nguyên, tờ 99 b, chép là Dương-đức-Lan), người xã Linh-quang, huyện Bình-tuyên, phủ Phú-bình, tỉnh Thái-nguyên. Đỗ nhị giáp khoa 1505. Làm quan đến đô-ấp-sự-trung, trí-sĩ. Là ông nội Dương-Tông, đỗ tam giáp khoa 1589.

15. — Đỗ-Tung, người phường Xã-đàn, huyện Thọ-xương (Đăng khoa lục, q. 2, tờ 2 b, chép là huyện Vĩnh-xương), phủ Phụng-thiên, thành Thăng-long. Năm 22 tuổi đỗ nhị giáp khoa 1505. Làm quan đến phó-đô ngự-sử, tên tự là Hi-phủ, tên hiệu là Độn-trai (Đăng khoa bị khảo, q. Hải-dương Phụng-thiên, tờ 104 a).

16. — Trần-Lỗi, người xã Thanh-thủy, huyện Tiên-phúc, phủ Bắc-hà, trấn Kinh-bắc. Đỗ nhị giáp khoa 1505. Làm quan đến thị-lang (Đăng khoa bị khảo, q. Kinh-bắc, tờ 65 b; Đăng khoa lục, q. 2, tờ 2 b).

Khoa 1505, 36 ông đỗ đệ tam giáp đồng tiến-sĩ xuất-thân là những ông sau này :

1. — Phạm, dôn Tháo, người xã Lạc-thực, huyện Thanh-lâm, phủ Nam-sách, tỉnh Hải-dương, năm 22 tuổi đỗ tam-giáp khoa 1505. Làm quan đến hiến-sát-sứ (Đăng khoa bị khảo, q. Hải-dương, tờ 62 a; Đăng khoa lục, q. 2, tờ 2 b).

2. — Nguyễn-gia-Du, người xã Trừu-khúc, huyện Thanh-cai, phủ Ứng-thiên, trấn Sơn-nam. Đỗ đồng tiến-sĩ khoa 1505. Làm quan đến phủ-đoãn Phụng-thiên (Đăng khoa bị khảo, q. Sơn-nam, tờ 26 a; Đăng khoa lục, q. 2, tờ 2 b).

3. — Quách-Điện, người xã Phú-kê (Phù-dâm), huyện Đông-ngàn, phủ Từ-sơn, trấn Kinh-bắc. Năm 21 tuổi đỗ đồng tiến-sĩ khoa 1505. Làm quan đến Hình-bộ hữu-thị-lang. Phụng mệnh đi sứ, chết giữa đường, truy tặng tả-thị-lang. Lược bá. Là con Quách-Teân, đỗ tam giáp khoa 1478 (Đăng khoa bị khảo, q. Kinh-bắc, tờ 32 b). Đăng khoa lục (q. 2, tờ 3 a) chép « hai lần đi sứ Tàu, làm quan đến Hình-bộ thượng-thư ».

4. — Nguyễn-tử-Chu, người xã Lỗi-dương, huyện Thanh-oai, phủ Ứng-thiên, trấn Sơn-nam. Đỗ đồng tiến-sĩ khoa 1505 (Đăng khoa lục, q. 2, tờ 3 a; Đăng khoa bị khảo, q. Sơn-nam, tờ 36 b).

5. — Nguyễn-Thuật, người xã Canh-hoạch, huyện Thanh-oai, phủ Ứng-thiên, trấn Sơn-nam. Đỗ đồng tiến-sĩ khoa 1505. Làm quan đến đề-hình giám-sát ngự-sử. Là cháu gọi Nguyễn-bá-Kỷ (đỗ tam-giáp khoa 1463) bằng chú; anh họ Nguyễn - đức - Lượng (đỗ trạng-nguyên khoa 1514) và bác họ Nguyễn-khuông Lễ (đỗ tam giáp khoa 1535) (Đăng khoa bị khảo, q. Sơn-nam, tờ 36 b; Đăng khoa lục, q. 2, tờ 3 a). (Còn nữa)

Ứng-hòe NGUYỄN-VAN-TỔ

Bản sách dẫn về «Đại-Nam Liệt truyện»

Số 20

Thọ-Xuân LE-VĂN-PHÚC

TÊN HỌ	TỰ, HIỆU	QUÊ QUÁN	Tập (1)	Quyển	Trang	NÓC HỒ
PHONG 風 Dương văn		Hà Tĩnh, Cần huyện	N	40	27a	
PHONG 風 Huỳnh-xuân		Hà Tĩnh, La sơn	N	39	1a	
PHONG 豐 Lê-văn		Định hương (Mỹ tho	S	23	31b	con Lê văn Duyệ
PHONG 風 Nguyễn-thanh	tự Bá-hỗ	Quảng nam Hòa v ng	N	37	13a	
PHONG 豐 Nguyễn-văn	tự Hữu niên	Bình định, Tuy v ến	N	35	9b	
PHỖ 溥 Bùi	hiệu Mão-hiến	Hải ộ, Tha h tri	N	17	1a	
PHỖ 溥 Nguyễn đình	sơ-danh Đình	Thanh hóa, Thủy nguyên	N	17	31a	
PHỖ 溥 Nguyễn-tường	tự Quảng-thức, hiệu Thử-trai	Quảng nam, Diên phước	N	34	10a	lại có tên chữ là Hỉ nhân
PHỖ 溥 Phạm	tự Trọng-tuyên	Thanh hóa, Hỷ-lộc	N	25	40b	
PHỐI 配 Lê-khắc		Hà Tĩnh, Hương sơn	N	43	4a	
PHÚ 富 Đoàn-văn		Thừa thiên, Quảng điền	N	20	23a	
PHÚ 富 Lê-văn		Thừa thiên, Quảng điền	N	16	1a	
PHÚ 富 Ngô đoàn		Thừa thiên, Quảng điền	N	40	7a	
PHÚ 富 Nguyễn		Thừa thiên	T	4	25a	con Nguyễn thắng Long
PHÚ 富 Nguyễn căn		Biên hòa	S	15	16a	
PHỤC 復 Trần-đón		Nam định, Mỹ lộc	N	38	20b	
PHÙNG 逢 Ngô	tự Nguyên-trọng	Hà ti h, Thạch hà	N	34	8b	
PHÙNG 逢 Nguyễn căn		Nghệ an Đông thà h	S	28	4a	
PHỤNG 鳳 Nguyễn-văn	hùng độc «Phượng»	Không rõ	S	17	4b	tử tiện tại Ba thắ sốc trang này là húc
PHỤNG 奉 Nguyễn-văn		An giang, Vĩnh	S	11	3a	
PHỤNG 鳳 Trần-văn	cũng đọc «Phượng»	Thanh hóa, Ngọc sơn	S	18	8a	
PHỤNG 奉 Trương phước		Thanh hóa, Quý hương	S	8	6a	
PHỤNG 奉 Trương-văn		Thừa thiên, Phong điền	N	40	6b	
PHỨC 黻 Lý văn	tự Lậu chỉ	Hà nội, Vĩnh th ại	N	26	3b	
PHƯỚC 福 Phan thiện	nhất danh Tạo	Thừa thiên, Phú v ng	S	9	8b	cũng đọc «Phúc»
PHƯỚC 福 Tống văn		Cửu định, Bình dương	T	4	25b	con Tống văn Khôi
PHƯỚC 福 Tống viết		Già định	S	13	7a	
PHƯỚC 福 Trần-văn		Không rõ	S	8	31b	tử tiện tại Ba thắ
PHƯỚC 福 Trần-văn		Quảng nam, Diên phước	S	11	11a	
PHƯƠNG 芳 Nghiêm		Hà nội, Từ liêu	N	87	13a	
PHƯƠNG 芳 Nguyễn-tiếp		Nghệ an, Thanh chí hương	N	39	22a	
PHƯƠNG 芳 Nguyễn tri	tự Hàm-chương,	Thừa thiên, Lan chi long	N	23	—	con danh Văn chương
PHƯƠNG 芳 Võ đình	[hiệu Đường-xuyê]	Quảng bình, Lệ h y	T	1	26a	
—58—						
QU						
QUAN 關 Hà văn	tự Tử-thạch	Quảng bình, Phong ốc	N	16	8b	
QUAN 冠 Nguyễn-văn	X	Nghệ an, Ái thành	N	38	4b	
QUÁN 冠 Trần-văn		Thừa thiên, Hương nh	N	40	17a	

1) T: Tiên-biên, S: Sơ-tập, N: Nhị-tập

... danh từ hóa học (Tiếp theo trang 13)

1.) Trong bêu hợp-chất đây tôi dùng 4 thanh để chỉ 4 loại hợp-chất do một đơn-chất hóa-thành. Các tiếng thuộc về 4 thanh ấy đọc lên nghe trong trẻo, thanh-tao. Hơn nữa, các chữ thuộc về 1 at thanh, trường bình và trường nhập không cần phải đánh dấu, nên cả h kha :: quên đánh dấu sẽ nhập cũng không thấy tại gì.

Thế là tiếng Nam còn dành được 4 thanh n ra để hậu-khuyết. Nếu hóa học có p át-minh một hay vài ba loại hợp-chất khác, các nhà nghiên cứu về khoa ấy sẽ liệu mà dùng.

2.) Tôi dùng những tiếng khuôn sáu để chỉ 3 tại hợp-chất: toan can và giam; rồi dùng những tiếng khuôn hai để chỉ loại diêm.

Vì khuôn chữ « su » phát-khởi bằng lét « u », nên các khuôn dùng trong bêu trên đây đều phát khởi bằng lét « u » cả. Nếu đặt tên cho các hợp-chất do đơn-chất « Xin » hóa-thành, thì phải dùng những khuôn phát-khởi bằng lét « i »; như đặt tên cho các hợp-chất do đơn-chất « bác » hóa-thành, thì phải dùng những khuôn phát khởi bằng lét « ă »... v.v....

Số khuôn phát-khởi bằng hai lét « O, U » thì ít ỏi nhiều. Mà số khuôn phát-khởi bằng mấy lét « ă, â, ê, ô... » thì hơi ít. Đó cũng là một sự-khuyết.

mà ta nên chú ý. Giả sử số diêm của đơn-chất các mà nhiều quá, thì trừ-liệu thế nào? (Vì số khuôn hai phát-khởi bằng lét « ă » chỉ có ba mà thôi). Trong trường-hợp đó ta sẽ gọi thứ diêm số 4 là cắt-la, thứ diêm số 5 là cắt-te, thứ diêm số 6 là cắt-tê v. v... Thu-xếp như vậy thì không lo gì thiếu khuôn.

3.) Số âm thì ít mà số đơn-chất thì thật nhiều. Cho nên 89 chữ dùng để đặt tên cho 89 đơn-chất, phần nhiều, đều phải điệp-âm với nhau: Hin, he/ ho... sam, se, su... Chỉ có 2 chữ « Dy, xe » là cô-lập mà thôi. Vậy mà sự điệp-âm cũng chưa hại gì bao lắm. Hai chữ hay nhiều chữ chỉ đơn-chất mà điệp tự-căn với nhau mới là sự cực kỳ rắc-rối! Tôi đã xoay trở hết-sức, thế mà trong 89 chữ chỉ đơn-chất còn đến 10 chữ vẫn điệp tự-căn: a, au, an, at, — I, ia, in, iah, — Yp, yt.

Đối với 10 chữ đó, thì phải thu-xếp như thế này:

a) Các toan của « a »: ai a, ay a, ao-ă...

b) Các toan của « ă »: ai-ă, ay-ă, ao-ă...

c) Các diêm của « a »: ao-ta, ap-pa, at-ta...

d) Các diêm của « ă »: ao-tă, ap-pă, at-tă...

Thế mà còn bị nỗi thiếu khuôn thì sự xử-trí tùy theo tình-thế và tùy theo âm điệu. Ví dụ:

ai-au-a, ay-au-e, ao-ău-ê, ... v.v...

ao-cau-a, ap-pau-ê, at-tau-ê, ... v.v...

(Về điều này, kỳ hội chúng-ý rồi sẽ lập một qui-trình-hải)

Theo phương-pháp này thì mỗi chữ dùng để đặt tên cho một chất hóa-học sẽ gồm có một vài xi-láp, nhiều nhất là ba xi-láp. Cách đặt chữ như vậy rất hợp với cái đặc-tánh gây-gọn của tiếng Nam ta. Hơn nữa, cách ấy thật là đôi-đào: chưa thấy gì là lủng-lúng cả. Thanh, âm, khuôn của chữ đặt ra đều có tánh-cách Nam-âm: đều-hòa, âm-nhạc.

Thế là dùng « thanh » để chỉ « loại » của cả hợp-chất, dùng « khuôn » để chỉ lượng của các thành-phần, dùng « âm » để chỉ « nguyên - tố chủ - yếu ». Thiết-tưởng, về sự sử-dụng các tiếng

TU SÁCH NGÀY MỚI

ĐẠI HỌC THƯ XÃ trình bày:

Đã phát hành: VĂN-HỌC và TRIẾT-LUẬN

Bà Mộng-Sơn viết qua thực-trạng của xã-hội Việt-Nam tác-giả phê-bình và nghiên-cứu về phụ-nữ tiểu-thuyết, thi-ca, kịch-bản, giáo-dục, lịch-sử, diên-văn, Văn-phạm, triết-học, kinh-tế, trong tác-phẩm của những nhà văn: Vũ Trọng Phụng, Lưu Khài, Anh Thơ, Hồ Dzếnh, Đoàn Phương, C.K. Sơn, P.V. Huệ, Lê, Du, Hoàng Ngọc Phách, Trần Trọng Kim, Phan Đông Khê, Bùi Kỷ, Đoàn Phú Tứ, Nguyễn Lương Ngọc, Nguyễn Xuân Sanh, Phan Văn Hạnh, Huy Cận Ngô Tất Tố. Giá 2\$50

SÁP XẾP BAN:

KHÔNG GIÁO VỚI ĐÔNG ĐÀO DUY ANH

nguyên - cứu của Nguyễn nguyên Diêm.

VĂN CHƯƠNG VÀ XÃ-HỘI nghiên-cứu của Lương-dục-Thiệp của Nguyễn Xuân Hay.

CÒN MỘT 17:

MỆ OI gia đình tiểu thuyết của Nguyễn khắc Mẫn Giá 3\$50

ĐẠI-HỌC THƯ-XÃ

181 Henri d'Orléans Hanoi Giám Đốc: LÊ MỘNG CẦU

Muốn làm giàu mua vé số

Đông Pháp

1p.00 một vé

nói của ta (ngs sons vocaux) trong
phạm vi hòa hợp, (không) là cách
nào tiện lợi hơn. Liêm tã. hòa. và
ôn-thỏa bốn.

Muốn tinh-thần khoa-học được rõ-ràng, biết-thức khoa học cần phải rõ-ràng : danh-từ chuyên-môn cần phải rành-rang, rành-roài, răn-rỏi. Chữ « hydro-xy; a-lu-min » đọc lên nghe lị-xít quá ; chữ « hy-po-sít-na » nói ra nghe « ngô-gộc » quá. Cách chuyển chữ « parafine » ra chữ « Bài » xem như « đồ-lý-dục » quá ; cách dịch « azote » ra « hơi nhẹ » « carbone » ra « hơi than »... tưởng ẽ nhẹ-hàng và nhẹ-hững quá. Viết chữ « mocolomünocanxi » thì dài-dặc và dài-dưa quá ; đặt chữ « Hễ-n-si-êm-át-khô-bai-si-êm », thì cũng long-dài, cũng cứ dón-dặng quá.

Tên của một hợp chất và công
thức của nó là hai chuyện khác
nhau, theo hai thứ lý-dụng khác
nhau. § Tên nhiều khi (như hơn
công-thức v. Gó l₂ hiện-giờ) lại
cũng công-nhận rằng tiếng Pháp
là thứ tiếng lưu-loát nhất và đích-
xác nhất hơn-rất. Tuy vậy, hai
chữ « sulfurique, sulfureux » cũng
khẳng-chi rõ các thành-phần được
tạ-chi biệt thành-phần « O » trong
« sulfurique » nhiều hơn trong
« sulfureux » mà thôi.

Để thì ta cứ viết cộng-thứ
như các nước Thái-lây : như
đồng học như họ. Gặp SO^3H^2 thì
nên đọc « Su, O ba, bin hai » dùng
cơ thì hãy đọc : « Xô, O hai » ; thấy
 CaH^2O thì phải đọc : « Xô
thứ hai thì năm-ba » Ở dưới
bên... Tiếng nói trước-đơn, họ
bắt buộc phải đọc « ló » : Tiếng
nội đơn 1, thì gạch dưới chữ
có ý nghĩa và có lý-thủ, hên, nh. 0.

Nếu muốn nhét mọi sách đã-dàng
các công thức về hòa-hợp, ta cũng
dùng quá sự ích-lợi của chúng
cần-cả, như câu này của g. ran :
Xét mười hai nguyên-tử, O
mười hai cũng bằng ;
Hết hăm hai chét giữa hóa
món đường « xéc-ca ».

Đặt danh-lưu hóa-học là một việc rất khó ! Khó nhất là sự đặt tên cho các hợp chất. Phải đặt danh-lưu cho một khoa-học nào, lại phải ảnh-hưởng về khoa học ấy, và nhất là phải an-ti-vong về ngữ-ngôn-học. Về ngữ-ngôn-học nhờ dạy ông "Đo-đun" tôi có biết một vài điều. Còn về hóa học thì học-thức của tôi còn ít sợ quá ! Xin các ngài chuyên-môn uyên-bác, có điều gì sai sót, thì lý-cải-thiết lại và chỉ giáo cho.

« Văn-hành-công-hiếu. Của văn hóa là cái của chung; nợ khoa-học là cái nợ chung. Ai có ý-tiến gì cũng nên phơi-dể ra để có người đồng tâm. N'ân-tôn bạn về « danh từ hóa-học » đây, tôi xin nhắc đến từ ngữ « dị đồng » mà tôi đã chủ-y trong khi đọc báo-bách-chương chữ viết xu-buồng ở khoa-học ».

1) Thiên số kiến của tôi, thì nêu hình-học và vũ trụ đã có, và có lẽ nó trước chữ lý-hà-học. Dưới

triều nhà Minh, ông Từ-quang-
Kải mới dịch sách « kỷ hà nguyên-
bản ». Danh từ « kỷ hà học » thông
dùng từ bấy giờ « Géométrie »
« gia là đo » ; « kỷ - hà »
nghĩa là « máy ». Cái ý « đo »
bởi cái ý « máy » là hai ý căn bản
của số học, của toán học. Đồ vật
toán học, ý « hình » vô lẽ thì ông
phải là cái ý quan hệ dài-tiến.
Sự nghiên cứu khuôn của Phật
đồng cũng là hình học ; học bộ
cũng là hình học. Nói dài : từ
hệ thống có nghĩa bao hàm quá,
chữ kỷ-hà học : nó là hệ lý học

2.) Mạch lái với Mạch thì hành
«mình...» Mạch lái với...
thành «mở...» Khi lái như thế
không thể có được «Sống «mình»
và uểng «mở»: mạch, thì lái
với nhau chỉ có một cách; mà lại
lái với nhau cũng chỉ có một, á hì

Vấn đề này là một vấn đề rất quan trọng đối với ngữ ngôn văn-tự của dân-tộc ta; chữ Nam đã là một thứ sự thiếu sót, sẽ là một thứ chữ thiếu sót. Bài sau tôi sẽ bàn về vấn đề này, tôi gắng bàn một cách tường-thể, phân minh.

TRẦN CẨM HẢO

2^e édition :

**CENT RÉDACTIONS CORRIGÉES AU CERTIFICAT
D'ÉTUDES COMPLÉMENTAIRES INDOCHINOISES**

par MM. Trăn-Huy Cơ et Ng-Huy Hoàng, Instituteurs.
(Ouvrage adopté par la Commission des manuels scolaires)

PAGE 2508 12 Pour recommandé \$532

Librairie Dong-Thu 195 Rue du Colon - HANOI

Ba đạo sắc đời Minh Mạng (1820-1840) là một chuyện thú ở Vũng-tàu (cap Saint-Jacques)

SÔNG-CỎI

Ở cửa của biển vào sông Sài-gòn, Vũng-tàu (cap Saint Jacques) là một hòn đảo nhỏ, nhỏ ra y như biên hình như cái lưỡi dài, trên đảo có cây đèn pha để chỉ đường lối cho tàu bè qua lại, ... Vũng-tàu là một nơi nghỉ mát rất tốt của xứ Nam Kỳ.

Xét : 300 năm trước đây, Vũng-tàu nguyên là bờ-cỏi của Cao-miễn. Về sau, về đời biển đồ lý nước Cip-niễn không phân-chấn; nước Việt nam dần dần phát triển về phía nam, cứ lần-lượt từng bước một. Triều đình Huế còn sai phái sứ giả và quan lại vào đóng đề tiện mở mang bờ cõi, « nước » mới ấy. Vũng-tàu ngày nay cũng do đó dựng nên.

Sau, vua Gia-Long (nguyên văn : đi kèm với hiệu « Gia Long » này còn hai chữ « Việt-nam » nữa, nhưng dịch-giải trước đi) sai các quan tướng ở quản-lý các xóm nhỏ ở đây. Cụ dân ở các làng xóm tại Vũng-tàu phần nhiều là dân chài lưới nghèo khổ, cư trú ở trong nhà tranh. Ba người quan lại của nhà vua phải đến đó chia đồng ở xóm Nhất, xóm Nhì và xóm Ba; mà thế dân cũng gọi ba xóm ấy là xóm Nhất, xóm Nhì, xóm Ba. Tên cũ lâu ngày mất hẳn.

Ngoài ba xóm ấy, đất đai quanh miền đều hoang-vu là không có vết-tích người.

Hồi bấy giờ, xứ đó đã thiết lập các quán-doan và thi-hành phép gọi lính.

Phương-pháp để thi-hành và sử-dụng được cái quyền ấy, là do

họ dùng cái pháo nửa tổ (có lẽ là ống lộn 7), vì tiếng nổ của pháo ấy đủ khiến người ta hoảng sợ. Bởi thế thổ-dân sợ phục là thường, mà số người lính nguyên ra lính không phải là ít.

Về sau, các quan lại vào đồng đất ấy thi-hành cái phép phân-phối đất đai. Phải các dân-chúng hề ai muốn có một khoảnh đất ruộng để cấy-cấy thì chỉ cần lên quan kêu xin, sẽ có thể được cấp cho đất ruộng, song không thể nhận lĩnh được nhiều. Vì người ta nhận-định rằng sự hoạt động của việc nông cấy giới-hạn trong vòng cần dùng của sự sống.

Ba vị quan tướng ấy sau thành thủy tổ ở những làng xóm họ đóng : sống ở đây, chết chôn cũng ở đây.

Nếu sau vua Gia-Long là vua Minh-Mạng. Nhà vua muốn ra đi, ra oai rộng khắp cả thiên hạ để tỏ ý rằng « Đức vua : trời, đất rộng ; ơn chúa : móc mưa nhuần » ; cho nên ban phát sắc phong ra khắp bờ cõi toàn quốc, trên sắc dùng âm-ngự-ti và đề niên-hiệu hoàng triều, - tức là Minh-Mạng nguyên niên.

Vua Minh-Mạng triệt bỏ hết thấy những thứ tượng-trưng kỷ-niệm của các triều đại trước đã bỏ, ban sắc dụ dân-chúng khiến ai nấy đều biết rõ rằng toàn quốc có cái huy hiệu bất-rồng Đại Nam là cái đặc-trưng của hoàng-triều hiện-thời.

Về việc này, vua Minh-Mạng sai khắc niên hiệu Minh-Mạng trên mỗi tấm bài sắc phong trong miếu thờ

thần ở từng xóm. Ý ngài muốn tỏ ra rằng hoà-đức-đế là chủ một vật. Bấy giờ, ở Vũng-tàu có xây một chuyện rất thú. Số là Vũng-tàu gồm có ba xóm, nên Nhà-triều có ban ba tờ sắc phong. Nhưng những xóm ở đó đều không có tên thực để gọi, vì thế trong lòng tờ sắc ch viết là xóm Nhất, xóm Nhì, xóm Ba.

Khi đó, ba người hương trưởng của ba xóm ấy được quan địa-phương truyền bảo phải thân đến nhà-môn mà lĩnh sắc. Bỗng ngờ, khi quan tổng đốc truyền bảo « hương trưởng ba xóm phải thân đến lĩnh sắc », thì các hương trưởng hiểu lầm rằng chỉ có hương trưởng xóm Ba thân đến lĩnh sắc, rồi bỏ hàng đến hỏi người đứng lĩnh sắc chỉ là một viên hương trưởng xóm Ba.

Sau khi lĩnh sắc rồi, người hương trưởng xóm Ba liền lấy tấm da ché thành một chiếc hộp đẹp, rồi lấy nhiều đồ bọc các đạo sắc lại mà để vào trong hộp. Hồi bấy giờ không hề có một người nào biết rõ nội-dung của sắc cả. Còn hai thôn trưởng xóm Nhất, xóm Nhì ngang-ngóng chờ sắc, mòn cả con mắt.

Ngày sáng trời. Hương-trưởng xóm Ba giữ sắc đã được đến ba đời!

Một ngày kia, xóm Ba vào đám đại-gia. Người trong đám hội bạn nhau muốn đem cái hộp sắc ra lau chùi, vì đời xa năm lâu, sắc đã cũ nát mỗi một.

Họ liền chọn định ngày tốt, toàn thể thân hào trong xóm cùng đến

lộp bấu mở ra, rồi giờ xem các đạo sắc, thì thấy có ba đạo sắc trên viết rõ cả tên Ba xóm, tức là xóm Nhất, xóm Nhì và xóm Ba. Trừ đó 'loại hình' ấy, ai nấy làm thỉnh, rồi lại đem sắc đề vào chỗ cũ.

Tin ấy truyền đến xóm Nhất và xóm Nhì. Sau, đối với việc đó, thán hào hai thôn tỏ ý bất bình lắm, rồi quyết định phải làm hết năng lực để đòi lấy lại đạo sắc ấy về.

Năm 1926, nhân dịp có quan đốc-phủ qua đây, hai thôn trưởng xóm Nhất và xóm Nhì lên đờn việc dõ kêu với quan đốc-phủ. Họ cầu xin bắt xóm Ba phải trả lại hai đạo sắc ấy. Các lý ra thì các đạo sắc ấy là do Trăn-đình giao cho thôn trưởng xóm Ba, để chia cấp cho hai xóm kia, nhưng thôn trưởng xóm Ba lại giữ làm của riêng xóm mình.

Quan đốc-phủ đối với việc đòi lại có lý ấy vẫn muốn xử theo lẽ công bằng, nhưng kỳ-lão xóm Ba cố sức cãi rằng đó là đồ-vật của tổ-tông để lại, cần phải trân-trọng giữ lấy.

Vấn đề chung này vẫn chưa giải quyết được! Đến nay, ba đạo sắc ấy vẫn còn để ở xóm Ba.

(Dịch theo nguyên văn chữ Hán của VAI-SON - Nam-phong, 60 7 ngày 1er Juillet 1944, trang 25).

VĂN NÔM...

(Tiếp theo trang 3)

Dù như khau ả g muố ả g tăn y lấu biêu, hậu thủy xu triêu (47), thì ra quả nhọc thân cường (48), cương thường diên đảo, dấu có elinù sự chó hay, thì hành sao dạng? Như lấy thể làm binh giáo (49), ở chưa hợp trong sự-thở.

Khánh-đăng đã tực lòng ái quốc, thì tua (50) giữ đạo tôn tyân, thể lòng liêu suy thành đái ngộ (51) sớm nãi p'li b kỳ b'êm nghi (52), qui trệu tạ quả mà hấy pha trảo sự lý (53): Như việc binh nhưng nộ khu-xử nững làm sao, trong quan liêu nên tiến ti oái những làm sao, cùng triêu thân thương ngi rồi thì thỉnh chỉ p'buang hành.

HOA-BẮNG

(Rút trong Quang Trung tập II)

(47) Trước hãg ưng lăeo lời b'êu đã lău, rồi sau mới chĩa vào chầu.

(48) Vay, yểu, lồi mạnh.

(49) Lấy binh quyền hoặc binh-khi hiệp nhà vua mà can-ngăn việc gì.

(50) «Tua» nghĩa là «nên, phải».
«Tua giữ» cũng như «nên giữ».

(51) Bém lòng thành mà đối mặt.

(52) Trút bỏ-những điều hiểm-khích, nghi-ngờ.

(53) Tán-bày lý-do mọi việc.

Thông-chở Pétain đã nói:

Cùng ta phải bị sinh cho nước Pháp. Tổ quốc bao giờ cũng đưa nhân dân đến sự vĩ đại.

Sách mới

Tri Tân vừa nhận được của nhà Đồn Mới ở nước ngoài này:

I Con ruồi cánh gấm của Phạm Cao Cung, truyện học sinh giá 0\$60

II Con rồng ngũ của Phan Trần Chúc - truyện học sinh giá 0\$60

III Hồi chương Thiên mục của Phan Trần Chúc 11 hũ-xu-đồng, giá 3\$00

Xin gửi đơn đặt mua và gởi thiệp cảm các bạn đọc

T.T.

Cảm tạ ông Từ Ngọc

Ông đã chỉ cho những chữ viết tốt trong tập Trại Náo Nam làm gì tôi xin gửi lời cảm tạ

HOÀNG ĐẠO HUY

HAY ĐỌC

NHỮNG SỰ GẶP GỠ CỦA ĐÔNG PHƯƠNG VÀ TÂY PHƯƠNG

của Giáo sư VŨ BỘI LIỆU

Một thiên khảo-cứu công phu và một câu chuyện văn-hương đầy rẫy những điều nhận xét ngộ nghĩnh và thú vị. Một quyển sách phần H và B và tặng những cái hay, những cái tài của ngôn ngữ Việt-nam, và của ta rất nhiều tư tưởng và tương lai văn-chương đất nước.

Sách dày 300 trang

Giá 6\$00

Nhà xuất bản TÂN VIỆT — 29 Lamblot — Hanoi

Tài-liệu để đính-chính những bài văn cổ

Số 62

Ứng-hoè NGUYỄN-VAN-TỔ

CXXXV — • Kim-vân-Kiều
(bài nối)

Trong Kiều có câu: «Tiêu-thư trông mặt hỏi trao: «Mới về có việc chi mà động dong?» Sinh rằng: «Hiếu-phục vừa xong, Suy lòng trắc Dĩ, đau lòng chung thiên». Câu này dịch ở bản Kiều chữ nho: *Thanh-lâm-tài-nhân biên thư* (bản sao của Trương Bắc-cổ số A 953, q. 3, tờ 47 a) chép «Tiêu-thư đạo: «Tướng-công nhân thậm hạ lệ?» Thúc sinh đạo: «Khởi phục tại nữ, niệm cấp mẫu thân, bất giác lệ hạ», nghĩa là «Tiêu-thư nói: Tướng-công có việc gì mà rỏ nước mắt? Thúc-sinh nói: Gần đây vừa mặc áo chớ, nghĩ đến mẫu thân, không ngờ giọt lệ chứa-chưa». Xem truyện Kiều từ đầu đến đoạn này, chưa chỗ nào nói đến mẹ Thúc-sinh, nay đột nhiên nói mẹ chết, mà Hoạn-thư là con dâu lại không biết, thì không có lý: hoặc là có thiếu sót chữ gì chăng? Nếu có thiếu sót thì chính tại bản chữ nho.

Đến câu «Khen rằng: Hiếu tử đã nên! Tây trần mượn chén giải phiền đêm thu», so với bản chữ nho, thì trên chữ «tây trần» cụ Nguyễn-Du bỏ một đoạn nói về tâm-địa Hoạn-thư. Nguyên bản chữ nho như thế này: «Tiêu-thư nói: «Tướng-công nếu vì bà mà rỏ nước mắt, đáng gọi là hiếu». Thúc-Kiều thấy Thúc-sinh khiên-kính như thế, không thể nào giữ được nước mắt chảy quanh, nhưng lại sợ Hoạn-thư biết, nên chạy đi chỗ khác. Song Hoạn-thư biết thừa cái tình huống của hai người,

mới càng thêm rằng: «Phen này thế nào ta cũng làm được việc thối-vì, như cầm con dao giết đứa dâm-phụ, dè rồi ta xử chỉ cho chúng!» Bèn sai sửa rượu cúng Lương-công tây trần».

— Bản quốc-ngữ cũ (1920, tr. 120), chép: «Vợ chồng chén tiệc chén thù. Bất năng đứng chực tri hồ, hai bên; Bất khoan, bất nhất, đến điều, Bất quí tận mặt, bất mới tận tay». Câu thứ hai, chữ «bên», đến câu thứ ba, chữ «điều», xuống câu thứ tư, chữ «mới», sai văn hết cả. Bản quốc-ngữ mới (1943, tr. 453), phùng-bản, *Vương Kim chủ thích* đều chép là (Bất năng đứng chực tri hồ đôi nơi (hoặc hai nơi), Bất khoan bất nhất đến lời, Bất quí tận mặt, bất mới tận tay». Câu «Bất năng đứng chực...», kinh

bản chép là «Bất năng, giọt rượu, chực hầu đôi nơi».

— Quốc-ngữ mới (tr. 454) và kinh-bản, *Vương Kim diễn tự và Kim Vân-Kiều chú* đều viết «Ngảnh đi chợt nói chợt cười, Cáo say chàng đã giã bài lẳng ra». Quốc-ngữ cũ (tr. 121) viết là «tỉnh bài», phùng-bản viết là «kiếm bài».

— Quốc-ngữ mới (tr. 455), phùng-bản, *Vương Kim diễn tự và Kim Vân Kiều chú* đều chép: «Tiêu-thư cười nói tỉnh say, chưa xong cuộc rượu lại bày trò chơi». Kinh-bản và quốc-ngữ cũ (tr. 121) chép là «Tiêu-thư cười tỉnh, nói say». Chữ «cười nói tỉnh say» là chữ ta thường dùng, nói người giả tỉnh giả say, nhưng đoạn này theo kinh-bản và quốc-ngữ cũ mới đúng vào tâm-địa của Hoạn-thư: «cười tỉnh» nghĩa là trong lòng mừng thầm, «nói say» tức là bày ra những cuộc rượu, gây dâm, làm cho Thúc-sinh và Kiều trông thấy nhau mà không dám nhìn nhau.

ĐÃ PHÁT HÀNH:

QUANG TRUNG TẬP II

của HOA-BANG HOÀNG-THỨC-TRÂM

Biên do họa-sĩ TRINH-VÂN trình bày

Đến tập hai này là trọn bộ Quang-trung

Trong có: nhiều sử liệu, nhất là sử liệu đương thời, rất quý giá — Chữ viết đời Quang-Trung — Công-văn đời Quang-trung — Ấn tín nhà Tây-sơn — Văn-nôm đời Tây-sơn...

Cuốn sách có phụ lục về đời Nguyễn Quang-Toản để các bạn biết rõ chung cục của nhà Tây-sơn.

Giá: 8\$00

TRINH-NHƯ-LUÂN

121, Chancéaulme — Hanoi

— Kinh-bản và quốc-ngữ cũ chép « Nàng đã choáng-váng tở-mê, Vâng lời, ra trước bình the vận đàn ». Quốc-ngữ mới (tr-456), phương-bản, *Vương Kim điển* tr, *Kim Vân Kiều* chủ đề viết là « Nàng đã tở-hoán tở-mê ». Chữ « bình the » thì *Kim Vân Kiều* chủ viết là « man the ». *Thành-tâm tài-nhân* (q. 3, tờ 48 a-b) và *Kim Vân Kiều* chủ (q. 2, tờ 48 a-b) chép bài đàn chữ như sau đây: « Thiếp thân bạc-mệnh lạc xương gia, giá đắc lương-nhân thực phú hoa, Ý-la đội lý sinh ca diệt, phi-thúy quân trung âm luật xa. Truân-chiên đồ vũ tủy phong bạc, hựu hương hầu-môn ký lãng xa. Tiểu đề bất cảm như vô ngã, hi nộ do nhân chỉ vấn tha? Văn đạo chủ-ông thiên-lý phản, tương phùng khước thế cự nùng gia, nhất vi tọa thượng phong-lưu tể, nhất vi trử hạ tiêu-dang oa; tử mục tương khan sinh-khí đoạn, lưỡng tâm tương chiếu tử tranh ta. Mạn bả Hồ-âm điều cự oán, bi tai kìm nhật thực khảm ta! Bi kìm nhật hề, thứ vị hà vu! Ưc cự sự hề, án pháp trường hu! Tương phùng bất ngữ hề, can trường đực đoạn! Hà thời đồng hội hề, song song dục phil » Tạm cắt nghĩa như thế này: « Thiếp là người bạc-mệnh, mắc vào nhà trướng-kỷ, lấy được người chồng thực đáng bạc phú-hoa; khi cười trong đội ca-nhi tiếng sinh tiếng hát dật-dieu, trong ống phi-thúy âm-luật dư-hương. Chưa được bao lâu gặp họa nạn vì đồ vũ (mưa giông), theo gió ở tạm, lại đến chỗ hầu-môn gửi thân lãng bả. Không dám cười khóc, làm như không có ai; khi mừng khi giận tự người ta, đắm

hồi-ai? Nghe nói chủ-ông nghìn dặm trở về, đến khi tu-ong phùng lại là người cũ: một bên làm khách phong-lưu ngồi trên ghế, một bên làm con hầu nhỏ ở dưới bếp; bốn mắt nhìn nhau như không sinh-khí, hai bên tâm chiếu đều chết được. Buồn-ôm Hồ-âm như kêu oán-cũ, thương thay ngày nay thực xót xá! Ngày hôm nay là ngày gì, ngồi thử sao xa cách thế? Nhớ việc ngày xưa cần phải kêu gọi! Gặp nhau không n : được, can-trang muốn dứt! Bao giờ lại cùng gặp như đôi uyên ương hai cánh cùng bay! »

.

Số *Tri tân* ra ngày 27 tây vừa rồi (số 152, tr. 12) có đăng bài *Bắt gộp về nguồn gốc tiếng Việt nam* của ông Đào-trọng Đủ, trong nhắc đến « chuyện con voi với mấy người lừa » đã có câu « tiếc rằng sách không nói đến anh sớ voi ». — Chính sách có nói đến; tôi sao lại bài in năm 1898 ở quyển *Quảng tập viem văn* (*Chrestomathie annamite* của ông Edmond Nordemann, tr 8) đề đọc-giã thưởng-thức một lối văn tục-truyền: « Xưa có năm người lừa bói chưa biết voi là gì, nhân buổi lễ hàng, đương ở đó muốn xem, chợt thấy ng ờ ra mách có voi đi qua, bảo nhau d ầu tiền cho người quản, để voi đứng lại cho sớ xem. Người quản có ý chơi bỡn, chỉ cho người sớ chỗ voi, người sớ chỗ ngà người sớ chỗ tai, người sớ chỗ chân, người sớ chỗ đuôi; xong rồi, thúc voi đi. Năm người hỏi nhau rằng: « Con

voi nó như thế, rảo? » Người sớ chỗ voi, nói: « Nó như con đĩa ». Người sớ chỗ ngà hỏi rằng: « Không phải, nó như cái đòn cân ». Người sớ chỗ tai báo rằng: « Nó như cái quạt thóc ». Người sớ chỗ chân cãi rằng: « Nó sừng sừng như cái cột nhà ». Đến người sớ chỗ đuôi thì mắng rằng: « Bốn anh nói xằng cả; nó chính như cái cùi rế cùn ». Năm người cãi nhau mãi, rồi cầm gậy đánh nhau, vỡ toạc đầu, chảy máu cùng vào quan thừa kiện, kể sự trước sau như thế. Ông quan phì cười, sai lính đi tìm người quản đem voi đến, bắt nó đứng yên để cho năm người lần lượt sờ voi khắp cả đầu đuôi mình-mẩy... »

(Còn nữa)

Ứng học NGUYỄN VĂN TỐ

ĐẠI CỎ BẠN

HOA MỘNG

của TRƯƠNG VĂN

- 1) Thơ làm (có như u bài đọc-sắc, h ca, từ khứ v.v.)
- 2) Thơ dịch (có mấy bài trường thư v ai bằng bút lông kí tự)
- 3) Thơ dịch Pháp văn lựa những bài tuyệt-thố của La martine, Victor Hugo, Alf de Masset, Baudelaire, Verlaine, S. Flud'homme, Régnier, Mde Verlainck, Glesse de Noailles v.v.

Ông Nguyễn Văn Tố là một nhà văn chủ-y đến phần này mới khen dịch-giá (xem *Tao Đàn* số 13 1939) có tài viết hóa văn chương Pháp như nhà Nguyễn Bỉnh-Phạm (Cảnh-phục-Ngôn) có tài viết hóa văn chương Âu Á muốn xem ba nhà văn gởi tem 0\$10 cho Kiosque Thanh Tao Vĩnh.

Hoa « Hoa-mộng » ở các hiệu sách lớn.

TIỂU-THUYẾT LỊCH SỬ

An Âu

« Khiến nhân lòng An-Tư công-chiến
vua Thoát Hoan, dục thư quốc nan dã. »
Đại Việt sử-ký toàn-thư

Kính lộng hương hồn mẫu thân

NGUYỄN HUY-TUÔNG

Số 7

— Ta phải đi một việc rất khẩn cấp không tiện nói ra đây. Các người nóng muốn lên đường, ta biết, nhưng đàn ông vậy, hãy nấn ná ở ta vài bữa. Ta đi, công việc nhớ nhỏ ở nhà giao cả cho Quý, các người nên nghe lời Quý cũng như nghe ta. Đừng có xao nhãng nể bề bình, chềnh mảng đội ngũ. Các người chưa ra trận cũng như ra trận rồi, ở nhà mà luyện tập thân thể cho thêm cứng rắn, võ nghệ cho thêm tinh thông, ấy cũng là đánh giặc đấy.

Chàng chào mọi người rồi bước ra. Họ có ý thất vọng, và dường như ghen cùng chủ. Nhưng dần dần bình bực, họ không oán chàng nữa, cho rằng việc chàng phải đi này chắc còn quan trọng gấp mười việc ra trận. Họ cũng đã thừa hiểu chính Vương cũng sốt ruột lắm, không, khi nào chàng lại có ý hoãn việc tiến binh.

Khi Chiêu-thành vương đến cửa Dương-minh, thì vua Thiệu Bảo đang đi đi lại lại chờ đợi. Thấy Vương, vua nói:

— Lão ta đi cho được việc.

Wương theo vua ra bến sông cái. Dân gian biết là vua đi, kéo nhau lũ lượt theo sau, khắp các phố phường người ta chờ ra, tiếng

hô Vạn phúc vang lừng, vui vầy và đầm ấm. Nếu là ông vua khác, thì dân chúng đã phạm vào tội bất kính, nhưng vua Thiệu Bảo lại lấy thể làm thích. Vua vốn người nhân từ, công chính, hàng ngày thường cúi xuống bách tính, xem xét dân tình, có khi vì hành động thân dân. Vua không bỏ lỡ một dịp nào để giúp họ: đói kém thì phát gạo, rách rưới thì ban quần áo. Vua không nề hà gì, giáng lâm cả vào túp lều tranh ẩm thấp, trò chuyện cùng ông già bà cả, có khi ôm ấp trẻ nhỏ giữa những tiếng cười hồn nhiên của đám bình dân.

Tương-hoàng nhiều khi quở, các quan nhiều lần can, vua vẫn không sao bỏ được thói quen khả ái ấy, phát sinh từ lòng hồn nhiên bác ái bao trùm đẳng cấp. Vì vua hay gần-gũi với dân gian, nên mỗi khi đi đâu, bách tính kéo ra theo như nước. Những lúc ấy vua không bao giờ cần hộ vệ, dễ được hoàn toàn chung sống với những người chất phác, thành tâm quyến luyến. Họ đã coi vua như một Thái Tôn, một Bồ-Tát đầy lòng từ-bi từ ái; họ chỉ đợi dịp báo ơn ông vua nhân hậu.

Được gần vua, họ đã biết tính tình vua, cả những thói quen của vua. Từ mấy năm nay, lòng dân yêu vua lại càng tăng nữa. Họ biết nhà Nguyên rách nhiều, sứ Mông vô lễ, khinh triều-dinh, họ chợt nhớ rõ thái độ ngỗ ngược của viên Thượng-thư Sài-Thung khinh người như cỏ rác. Vậy mà vua Thiệu-Bảo cứ chịu nhục đi từ nhượng bộ này đến nhượng bộ khác không phải vì vua sợ chúng. Dân gian đã biết vua là một người quả cảm, cương nghị, nhưng sợ dĩ vua phải chịu nước lép chỉ vì — họ đã biết rõ — Vua không ưa chiến tranh. Vua muốn dân xếp khôn khéo, đem tài ngoại giao mưu lấy cuộc hòa bình, tránh cho bách tính cái thảm họa binh đao. Ngày thường vẫn còn chưa lo đủ cho dân no ấm hưởng chi còn đi chuốc lấy một việc hung. Vốn là nhà chính trị khôn ngoan và sáng suốt, vua Thiệu-Bảo biết chiến tranh tai hại, khốc liệt, không lợi gì cho kẻ dự chiến, bên thắng cũng như bên bại, và ông vua giỏi không phải là một người cùng binh độc vũ, tìm những thủ-đoan oanh liệt trên chiến địa, mà là người biết mưu hạnh phúc cho dân gian trong không khí yên vui.

Vì thế, vua tuy không phải là thiếu dũng, cử trờ trờ mã, mặc dầu sự yếu rách của Hồ tất Liệt trở nên gay gắt vô lý. Việc quân Nguyên đòi mượn đường sang Nam đánh Chiêm-thành là một việc không thể nào chiều được. Dân đều biết đức vua lo nghĩ: Họ sốt ruột và sôi nổi vô cùng. Họ không chịu được những nước lép vế. Họ giận thắm gan tía ruột quân Mông-cô và sứ thần hồng nặc của

chúng, họ lấy làm nhục để vua phải nhường chịu dịch nhân và muốn người như một, họ nung nấu lòng phẫn khích, chỉ mong đạt đạo lên vua! Thà chết cả chứ không chịu nhục, dù yếu nhưng không chịu thua mặt, đó là tâm lý chung của dân chúng khi ấy, nhất là dân chúng kinh thành. Lòng muốn người đều nghĩ đến việc tận trung báo quốc, chờ vua đỡ đần, vai đỡ nặng, mắt đỡ buồn. Họ chỉ đợi một chiều hưng sư là sẽ bỏ ra trớc cửa xin đi đánh giặc.

Vua Thiệu-Bân đã qua bao nhiều đêm thức suốt cái thế đã giúp Trêu-dinh tuốt gươm đập lại những uy hiếp của nhà Nguyên. Vua đã quyết định, dân chúng mừng-mạnh tin đều thở dài sung sướng. Họ muốn quay ngay lấy vua, xin ngài đừng lo ngại. Họ đã sẵn lòng vì vua ủng hộ ngôi báu và giảng sơn và quân Nguyên sẽ

không qua được nước Nam một khi hơi thở của người cuối cùng chưa tắt. Giữa lúc ấy thì một tờ chiếu ban ra: Trước khi quyết định, Trêu-dinh cho triệu bỏ lẫn trong thiên hạ để trưng cầu ý kiến.

Dân gian ngờ đâu có sự phi thường ấy. Họ còn nhớ rõ như hôm qua, cái ngày trời đại, trong khi bóng hung tợn của quân Mông-cổ đã hiện rõ ngoài bên, kinh đô đã được trang hoàng như một ngày hội lớn, cờ quạt tấp tểnh la liệt trong các cung điện, cửa ô và mặt hoàng thành. Thăng long đã có đại biểu của họ: Mười vị lão thành chủ chiến. Bốn cửa thành mở rộng, để đón đại biểu các nơi binh lính tấp nập đẹp đẽ đang để giữ trật tự.

(Còn nữa)

NGUYỄN-HUY-TUONG

Giới thiệu

I — *Sức sống của dân Việt nam của Đặng ngọc Tồn, Dương đức Hiền và Nguyễn-dinh Thi.* Lửa hồng xuất bản. Giá 4\$50

II — *Truyện rừng xanh của Phạm-xuân Đổ, phỏng thuật theo Rudyard Kipling — Alexandre de Rhodes* xuất bản. Giá 4\$00

III *Văn minh sử yếu lược* (quyển thượng) của Nguyễn bạch Khoa trong tập chí Văn Mới số 38 và 39 Hàn Thuyền xuất bản. Giá 4\$00

Xin cam ơn các nhà xuất bản và giới thiệu với các bạn đọc.

T.T.

Bác sĩ Nguyễn Tuấn I hát đã từng chữa tại nhiều bệnh-viện nhà nước mào hạc ông quân số mở phòng tham bệnh tại Hanoi số 21 phố Lý Thường Kiệt (cạnh viện Tổ sin.), Bác sĩ sẽ tiếp khách từ 15 A đến 1244

MUON CON HIEN, CHAU THAO
TRONG NHÀ THAP CO SACH

IAN HIEU-KINH

(có nguyên-văn chữ Hán)

ĐA CỐ BẢN

Giá 1 \$ 20

Du-Thuyết yếu-thuật	3 \$ 80.
Lịch-sử Báo Chí	2 \$ 00
Nghệ-thuật và danh giáo	2 \$ 50
Phụ-nữ Việt-Nam	2 \$ 50
Khổng-Tử học-thuyết I	4 \$ 50
Việt-Hoa thông-sử sử lược	5 \$ 00

QUỐC-HỌC

THƯ XA HANOI XUẤT-BẢN

Thư-xã Alexandre de Rhodes
Mới xuất bản hai cuốn.

TRUYỆN HỪNG XANH

Phạm xuân Đổ phỏng-thuật

Theo cuốn « Le livre de la Jungle » của R. Kipling gồm có mười truyện kỳ lạ và lý thú, nhiều tranh ảnh, dày 170 trang, khổ 17x23

LỤC SÚC TRANH CÔNG

bản dịch Pháo pháo của Hoàng-hữu Xương và A de R

Bình-phần cuốn này, Cố Cadere đã nói: « So với Kim Vân Kiều và Chinh-phụ-ngâm, thì Lục súc tranh công còn tự-nhiên, phổ thông và có vẻ « an-nam » nhiều hơn lắm... » dày 150 trang, khổ 17x23 bla « mỹ thuật » và nhiều tranh ảnh.

mỗi cuốn hể thường 4 \$ 00 cước 0 \$ 50
bản giấy Đại la 12 \$ 00 cước 1 \$ 00

Tổng phát hành

MAI-LINH

21, Rue des Pipes — Hanoi

Mới xuất bản

TRUNG-QUỐC

SỬ LƯỢC

của PHAN KHOANG

Một bộ sách kê-cứu rõ-ràng về văn-minh Đông-Á. Cái văn-minh ấy trong khoảng ba bốn nghìn năm nay đã chi-phối cuộc sống tinh-thần và vật-chất của mấy trăm triệu con người ở Á-Đông này.

Thật là một bộ sách rất quý của bất thầy mọi người muốn biết cái căn-nguyên về văn-minh tối cổ ở Á-Đông.

Sách dày ngót 500 trang in làm 2 loại:

Loại thường bán 6\$90 cước 0\$47

Loại đặc-biệt 15\$00 cước 6\$80

Thư và ngân phiếu xin gửi về cho:

Nhà in MAI-LINH Hanoi

25 Acút có bán



Hai bà Trưng

khởi nghĩa

Tác giả: NGUYỄN-TẾ-MỸ

- Những lực lượng nào đã giúp hai bà Trưng chiến thắng? Và những nhân nào đã làm ra sự thất bại của hai bà?
- Tình cách cuộc khởi nghĩa đó là tích-cách gì? ảnh hưởng của nó trong xã hội Việt Nam dưới quyền đô hộ triều Hán ra sau?



HÀN THUYỀN PHÁT HÀNH

71 Tien tsin Hanoi

do QUẢNG VẠN THÀNH phát hành

đã có bán:

LÒNG VÀ NG

Ed de Amicis đại văn hào nước Ý soạn
Hải-Hạc dịch

Một quyển giáo-khoa đào luyện tinh thần ái quốc. Các giáo-sư, các phụ huynh và các học sinh đều nên đọc để rõ biết cách giáo-dục bằng tình cảm, và rèn luyện tâm-tư trí-khí cho trẻ em.

Giá 4\$00

Ở xa, xin gửi thêm 0p.60 cước bảo đảm.

đang in:

ĐỜI ĐOÀN THÈ

Hải-Tùng soạn

Một thiên « THỜI BỆNH LUẬN » rất đáng nên đọc

Giá 2\$00

Vì nào gửi tiền đặt mua trước ngày 15 Juillet 1944, xin trừ 20%. cước phí không phải chịu.
Vị nào muốn biết nội-dung sách, xin cho biết địa-chỉ.

Thư từ liên nòng xin gửi:

ô. Nguyễn Văn Minh

Hiện Quảng Vạn Thành — Hanoi, 16 phố Lê Lợi

Haiphong, 51 — Doamer — Hải Dương Kinh môn phố Yên Lạn.

REVUE TRI-TAN: Autorisée par arrêté du 8 Février 1944 de M. Le Gouverneur Général

Directeur gérant: Nguyễn Văn Phụng

Imp. Tri-Tân 95—97 Chancsaulme, Hano